

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên	: Nguyễn Thị Minh Hà
Giảng viên hướng dẫn	: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA - NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI QUỐC TẾ THÁI DŨNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Minh Hà
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Minh Hà Mã SV: 1513401055
Lớp: QTL902K Ngành: Kế toán - Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người
mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế
Thái Dũng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, về thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán thanh toán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng 3 năm gần đây.
- Số liệu về thực trạng kế toán thanh toán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp cấp cử nhân

- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế hoạch thanh toán trong doanh nghiệp.

- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán thanh toán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng.

- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Minh Hà

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên **Nguyễn Thị Minh Hà** đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về Công ty như: lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán... Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán thanh toán tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2015). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán thanh toán tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 24 tháng 12 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

Contents

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán	3
1.1.1. <i>Hình thức thanh toán nội địa</i>	4
1.1.2. <i>Hình thức thanh toán quốc tế</i>	5
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua	6
1.2.1. <i>Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua</i>	6
1.2.2. <i>Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua</i>	6
1.2.3. <i>Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán</i>	8
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán	11
1.3.1. <i>Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán</i>	11
1.3.2. <i>Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán</i>	11
1.3.3. <i>Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua</i>	13
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ	15
1.4.1. <i>Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán</i>	15
1.4.2. <i>Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ</i>	16
1.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán	18
1.5.1. <i>Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung</i>	19
1.5.2. <i>Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái</i>	21
1.5.3. <i>Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ</i>	22
1.5.4. <i>Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký–Chứng từ</i>	24
1.5.5. <i>Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính</i>	26

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY VẬN TẢI QUỐC TẾ THÁI DỪNG	28
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dừng.....	28
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	28
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	30
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dừng.....	32
2.1.3.1. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.....	33
2.1.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dừng	34
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dừng.....	36
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dừng	36
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty cổ phần Vận tải quốc tế Thái Dừng	37
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dừng	52
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI QUỐC TẾ THÁI DỪNG	69
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dừng.....	69
3.1.1. Ưu điểm.....	69
3.1.2. Hạn chế.....	71
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dừng.....	72
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dừng	72

3.2.2.	<i>Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng</i>	72
3.2.3.	<i>Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng.....</i>	73
3.2.3.1.	<i>Trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....</i>	73
3.2.3.2.	<i>Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán</i>	79
3.2.3.3.	<i>Sử dụng phần mềm kế toán và quản lý khách hàng</i>	80
KẾT LUẬN		85
Tài liệu tham khảo		86

DANH MỤC SƠ ĐỒ

CHƯƠNG 1.....	3
Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung	20
Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.....	21
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	23
Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chứng từ.....	25
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	26
CHƯƠNG 2.....	28
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý doanh nghiệp của Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng.....	30
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng	32
Sơ đồ 2.3: Trình tự hạch toán kế toán của Công ty theo hình thức Nhật ký chung	34
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng.....	38
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng	53
CHƯƠNG 3.....	69
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi	75
Sơ đồ 3.2: Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán	80

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0015345	40
Biểu số 2.2: Giấy báo có số 568.....	42
Biểu số 2.3: Giấy báo có số 554.....	44
Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT 0015360	46
Biểu số 2.5: Trích sổ Nhật ký chung năm 2015.....	47
Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK 131	48
Biểu số 2.7: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (Công ty cổ phần Liên Việt Logistics).....	49
Biểu số 2.8: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (Công ty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc).....	50
Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng	51
Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT số 0000188	55
Biểu số 2.11: Ủy nhiệm chi số 0512	57
Biểu số 2.12: Giấy báo nợ số 573	58
Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT số 0017456	60
Biểu số 2.14: Giấy đề nghị thanh toán	62
Biểu số 2.15: Phiếu chi số 15/12.....	63
Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung năm 2015.....	64
Biểu số 2.17: Trích sổ cái TK 331	65
Biểu số 2.18: Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Mở cho công ty XNK Hà Anh)	66
Biểu số 2.19: Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Mở cho công ty Công ty xăng dầu khu vực III – Petrolimex Hải Phòng)	67
Biểu số 2.20: Bảng tổng hợp thanh toán với người bán.....	68
Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ	76
Biểu số 3.2: Bảng trích lập dự phòng phải thu nợ khó đòi	77

BẢNG CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
HĐ GTGT	Hóa đơn giá trị gia tăng
GBC	Giấy báo có
GBN	Giấy báo nợ
UNC	Ủy nhiệm chi
PT	Phiếu thu
PC	Phiếu chi
TSCĐ	Tài sản cố định
CP	Cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TKĐƯ	Tài khoản đối ứng

LỜI MỞ ĐẦU



Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) tạo cơ hội cho các doanh nghiệp hội nhập với nền kinh tế nhưng cũng đặt ra thách thức buộc các doanh nghiệp tự đổi mới để tồn tại và phát triển. Một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường thì nhân tố quyết định nhất là vấn đề thanh toán. Đối với bất kì một hợp đồng kinh tế nào thì vấn đề quan tâm đầu tiên đó là việc thanh toán như thế nào, phương thức thanh toán ra sao và liệu khi tham gia vào hợp đồng có đem lại thuận lợi gì cho doanh nghiệp không. Do vậy, mỗi doanh nghiệp cần phải có những hoạt động nhất định nhằm quản lý tốt nhất hoạt động thanh toán để tạo niềm tin cho các đối tác và cải thiện được tình hình tài chính của doanh nghiệp mình.

Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành đã có quy định cụ thể về kế toán thanh toán với người bán và người mua, đồng thời Bộ tài chính cũng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khi vận dụng vào thực tế. Tuy vậy, việc vận dụng này còn phụ thuộc vào đặc thù riêng của từng ngành nghề sản xuất kinh doanh do đó đã nảy sinh rất nhiều vấn đề trong việc tổ chức hạch toán kế toán thanh toán với người bán và người mua.

Trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững em nhận thấy kế toán thanh toán với người mua người bán đóng vai trò quan trọng và được ban lãnh đạo hết sức quan tâm. Do vậy với sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn **Th.S Nguyễn Văn Thụ** cùng nhân viên phòng kế toán của Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững, em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững”.

Đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng”** gồm những phần sau:

Chương I: Lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng.

Chương III: Phương hướng hoàn thiện hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

Phương thức thanh toán là yếu tố rất quan trọng trong hoạt động thương mại, thông thường khi có giao dịch phát sinh thì hai bên đồng thời thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Các phương thức thanh toán mà doanh nghiệp thường sử dụng có thể chia thành thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt. Xu hướng của các doanh nghiệp là tiến tới thanh toán không dùng tiền mặt, hạn chế việc sử dụng tiền mặt trong lưu thông như vậy sẽ an toàn, tiết kiệm chi phí và doanh nghiệp có thể quản lý việc thanh toán dễ dàng hơn.

*** Phương thức thanh toán bằng tiền mặt**

Phương thức thanh toán bằng tiền mặt là bên mua xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho người bán khi nhận được vật tư hàng hóa, dịch vụ.

Thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu áp dụng cho những giao dịch phát sinh số tiền nhỏ, nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách địa lý giữa hai bên hẹp. Nhìn chung việc sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt ngày càng thu hẹp, các doanh nghiệp đang chuyển dần sang thanh toán không dùng tiền mặt. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt có thể chia thành:

- Thanh toán bằng đồng Việt Nam.
- Thanh toán bằng ngoại tệ.
- Thanh toán bằng hối phiếu ngân hàng.
- Thanh toán bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá trị như tiền.

*** Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.**

Phương thức thanh toán này được các doanh nghiệp sử dụng rộng rãi trong hoạt động kinh doanh thương mại, được sử dụng phổ biến vì tiết kiệm thời gian chi phí cũng như giảm đáng kể lượng tiền trong lưu thông, áp dụng khá phổ biến trong các khoản mua bán hàng với số lượng lớn, có giá trị cao. Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt rất đa dạng, tùy theo tính chất của hoạt động thanh toán mà các doanh nghiệp sẽ lựa chọn những phương thức thanh toán phù hợp nhất. Có thể kể ra đây một số loại phương thức thanh toán không dùng tiền mặt chủ yếu sau:

1.1.1. Hình thức thanh toán nội địa*** Thanh toán bằng séc**

Séc là một loại chứng từ do ngân hàng phát hành cho đơn vị có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng sử dụng để thanh toán các khoản tiền để chi tiêu hoặc để rút tiền mặt từ ngân hàng về quỹ.

- Loại séc mà doanh nghiệp dùng để rút tiền mặt từ ngân hàng về quỹ gọi là séc tiền mặt.

- Loại séc mà doanh nghiệp sử dụng để thanh toán các khoản chi tiêu, thanh toán các hợp đồng cung ứng, dịch vụ với nhà cung cấp gọi là séc thanh toán. Séc thanh toán bao gồm nhiều loại như: Séc chuyển khoản, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền.

Séc chuyển khoản: Dùng để thanh toán và mua bán hàng hóa giữa các đơn vị có mở sổ tài khoản. Séc có tác dụng để thanh toán chuyển khoản không có giá trị để lĩnh tiền mặt, séc phát hành chỉ có giá trị trong thời hạn quy định.

Séc bảo chi: Là séc chuyển khoản được ngân hàng đảm bảo chi số tiền ghi trên từng tờ séc đó. Khi phát hành séc đơn vị phát hành đưa đến ngân hàng để đóng dấu đảm bảo chi cho tờ séc đó. Séc này dùng để thanh toán chủ yếu giữa các đơn vị mua bán vật tư, hàng hóa, cung ứng dịch vụ,...có mở sổ tài khoản nhưng chưa tín nhiệm lẫn nhau.

Séc định mức: Là loại séc chuyển khoản nhưng chỉ được ngân hàng đảm bảo chi tổng số tiền nhất định trong cả quyền séc. Số séc định mức có thể dùng thanh toán trong cùng địa phương hoặc khác địa phương. Mỗi lần phát hành phải ghi số hạn mức còn lại vào mặt sau của tờ séc. Đơn vị bán khi nhận séc phải kiểm tra hạn mức còn lại của quyền séc.

Séc chuyển tiền cầm tay: Là loại séc chuyển khoản cầm tay, được ngân hàng đảm bảo thanh toán.

*** Thanh toán bằng ủy nhiệm chi chuyển tiền**

Ủy nhiệm chi là giấy ủy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp.

*** Thanh toán bằng ủy nhiệm thu**

Ủy nhiệm thu là hình thức mà chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

*** Thanh toán bù trừ**

Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này, định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số tiền chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành văn bản để làm căn cứ ghi sổ và theo dõi.

*** Thanh toán bằng thư tín dụng**

Trong thực tế, hình thức này ít sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

1.1.2. Hình thức thanh toán quốc tế

*** Thanh toán quốc tế thông qua thư tín dụng**

Phương thức tín dụng chứng từ là một sự thỏa thuận trong đó một ngân hàng mở thư tín dụng (Letter of Credit – L/C) theo yêu cầu của người mở thư tín dụng sẽ trả một số tiền nhất định cho người hưởng lợi hoặc chấp nhận hối phiếu do người này ký phát trong phạm vi số tiền trong thư tín dụng khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những quy định đề ra trong thư tín dụng.

Thẻ chế hiện hành: Thư tín dụng dùng để chi trả tiền hàng trong điều kiện người bán đòi hỏi phải trả tiền ngay khi giao hàng phù hợp với số tiền hàng đã ký trong hợp đồng. Trường hợp này áp dụng khi hai bên có quan hệ mua bán không thường xuyên hoặc không có sự tin tưởng lẫn nhau. Thanh toán bằng hình thức thư tín dụng (L/C) đảm bảo an toàn cho cả người bán và người mua thông qua sự đảm bảo của ngân hàng.

Tất cả mọi trường hợp có xuất hiện tranh chấp về hàng hóa, dịch vụ đã giao và tiền hàng đã trả thì hai bên tự bàn bạc, giải quyết, ngân hàng không chịu trách nhiệm. L/C chỉ được áp dụng thanh toán với các tổ chức kinh tế có tài khoản tại các ngân hàng trong cùng hệ thống.

*** Thanh toán bằng điện chuyển tiền**

Về phương thức thanh toán cơ bản giống thanh toán bằng thư tín dụng nhưng có sự thuận tiện đơn giản hơn nhiều về thủ tục thanh toán. Thông thường hình thức này chỉ được áp dụng trong trường hợp giữa hai bên có sự giao dịch thường xuyên lâu dài, có sự tin tưởng lẫn nhau và bên bán chấp nhận cho bên mua thanh toán bằng điện chuyển tiền (TTR). Việc thanh toán được tiến hành sau khi nhận hàng, thời gian do hai bên thảo thuận.

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Nợ phải thu khách hàng cần được hoạch toán chi tiết cho từng đối tượng và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế chủ yếu với doanh nghiệp về mua sản phẩm hàng hóa, nhận lao vụ dịch vụ.

Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp lao vụ dịch vụ thu tiền ngay (tiền mặt hoặc séc đã thu qua ngân hàng).

Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán tiến hành phân biệt các khoản nợ, loại khoản nợ có thể trả đúng hạn, khoản khó đòi hoặc không có khả năng thu hồi để căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý.

Trong quan hệ bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp lao vụ dịch vụ theo sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu hàng hóa đã giao, lao vụ đã cung cấp không đúng theo hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu giảm giá hoặc trả lại số hàng đã giao.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

a, Chứng từ sử dụng

Khách hàng của công ty có thể là các doanh nghiệp, cơ quan, công ty, xí nghiệp, hay hộ gia đình...

Trong quá trình bán hàng và thanh toán công ty sử dụng các chứng từ sau:

- *Hợp đồng bán hàng*: Là hợp đồng kí kết giữa công ty và bên mua. Trong hợp đồng quy định về quyền và trách nhiệm của mỗi bên và là căn cứ xác định của mỗi bên và là căn cứ xác minh tính có thực, hợp lí của nghiệp vụ thanh toán với người mua. Hợp đồng quy định rõ số lượng, chất lượng, chủng loại, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán và các vấn đề khác liên quan.
- *Hóa đơn bán hàng (hóa đơn GTGT)*: (theo mẫu của bộ tài chính ban hành), hóa đơn bán hàng được lập thành 3 liên, liên 1 lưu tại cuống, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 chuyển lưu để làm chứng từ căn cứ ghi sổ.
- *Phiếu thu*: là do kế toán thu tiền lập khi phát sinh nghiệp vụ nộp tiền vào quỹ tiền mặt. Phiếu thu được lập làm 3 liên. Một liên giao cho người nộp tiền, một liên lưu tại cuống, liên còn lại thủ quỹ giữ để ghi sổ quỹ sau đó chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán
- *Giấy báo có (giấy chuyển khoản)*: khi có tiền trả vào tài khoản của công ty, ngân hàng sẽ phát hành giấy báo có, gửi về công ty để thông báo về khoản tiền đã nhập vào tài khoản của công ty.

b, Tài khoản và sổ sách sử dụng

*** Tài khoản sử dụng:**

Để theo dõi các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách, hàng kế toán sử dụng tài khoản **131 - Phải thu của khách hàng**.

Tài khoản này được kế toán theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu, từng nội dung phải thu và ghi chép theo từng lần thanh toán.

*** Tài khoản 131 có kết cấu như sau:**

Bên Nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính ;
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng;
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

Bên Có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ;
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng;

- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại;
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT);
- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua;
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

Số dư bên Nợ: Số tiền còn phải thu của khách hàng.

Số dư bên Có: Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

** Sổ sách sử dụng:*

- Sổ chi tiết phải thu khách hàng
- Sổ tổng hợp phải thu khách hàng
- Sổ cái tài khoản 131...

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

(1). Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

Nợ TK 131: Phải thu của khách hàng

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(2). Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

c) Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

d) Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

(3). Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

(4). Kế toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

(5). Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(6). Nhận được tiền do khách hàng trả, nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch)

(7). Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 611

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 611 - Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(8). Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xóa sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán**1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hoá, dịch vụ, hoặc cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua vật tư, hàng hoá, dịch vụ trả tiền ngay (bằng tiền mặt, tiền séc hoặc đã trả qua Ngân hàng)

Những vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hoá đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp ngoài hoá đơn mua hàng.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán**a, Chứng từ sử dụng:**

- Các chứng từ về mua hàng
- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn bán hàng (Hóa đơn thuế GTGT) do người bán lập
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm hàng hóa, phiếu nhập kho,
- Biên bản giao nhận TSCĐ...

Chứng từ ứng trước tiền: phiếu thu(Do người bán lập)

Các chứng từ thanh toán tiền mua hàng: phiếu chi, giấy báo nợ, ủy nhiệm chi, séc...

Tùy theo quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và trình độ tổ chức quản lý của doanh nghiệp mà lựa chọn số lượng, loại chứng từ sao cho phù hợp. Trong trường hợp doanh nghiệp muốn sử dụng loại chứng từ không có trong quy

định nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác thanh toán thì có văn bản cho phép của nhà nước.

b, Tài khoản sử dụng và sổ sách***Tài khoản sử dụng:**

Để theo dõi tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán kế toán sử dụng **tài khoản 331 - Phải trả cho người bán**.

Tài khoản này được kế toán theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải trả. Tài khoản 331 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao;
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán;
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với đồng Việt Nam).

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức;
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với đồng Việt Nam).

Số dư bên Có: Số tiền còn phải trả cho người bán

Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.

Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

**Sổ sách kế toán:*

- Sổ chi tiết thanh toán với người bán
- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán
- Sổ cái TK 331 - Phải trả người bán

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

(1). Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(2). Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XD CB dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư xây dựng cơ bản bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(3). Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

(4). Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 156, 241, 242

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(5). Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

(6). Khi bán hàng nhận đại lý, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

(7). Phí uỷ thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận uỷ thác được tính vào giá trị hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 156, 211,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết từng đơn vị nhận uỷ thác).

(8). Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có các TK 152, 153, 156, 611,...

(9). Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

(10). Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

(11). Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, tính vào doanh thu hoa hồng về bán hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (nếu có).

(12). Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (giá bán trừ (-) hoa hồng đại lý)

Có các TK 111, 112,...

(13). Kế toán phải trả cho người bán tại đơn vị giao uỷ thác nhập khẩu:

a, Khi trả trước một khoản tiền uỷ thác mua hàng theo hợp đồng uỷ thác nhập khẩu cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu mở LC... căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112,...

- Khi nhận hàng uỷ thác nhập khẩu do bên nhận uỷ thác giao trả, kế toán thực hiện như đối với hàng nhập khẩu thông thường.

b, Khi trả tiền cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu về số tiền hàng nhập khẩu và các chi phí liên quan trực tiếp đến hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112,...

1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

1.4.1. Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán

Tỷ giá là tỷ lệ so sánh ngang bằng giữa đồng tiền hai nước khác nhau, là hệ số chuyển đổi giữa tiền tệ nước này sang nước khác. Tỷ giá là giá người ta trả khi mua hoặc nhận được khi bán một ngoại tệ trên thị trường ngoại hối.

*** Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:**

Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (đồng Việt Nam). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ. Trong kế toán sử dụng 3 loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi nhận nợ.

Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí, TSCĐ; khi ghi tăng tiền mặt, tiền gửi, hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.

Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, LIFO, FIFO hoặc đích danh.

Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.

Cuối năm tài chính kế toán phải tiến hành đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ**a, Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua bằng ngoại tệ**

- Tại thời điểm ghi doanh thu và khách hàng nhận nợ vào tỷ giá thực tế hiện hành, kế toán ghi:

Nợ TK 131: Phải thu khách hàng

Có TK 511: Doanh thu

Có TK 3331: Thuế VAT phải nộp

- Khi khách hàng thanh toán nợ

Nợ TK 111, 112: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Có TK 131: Phải thu khách hàng

+ Nếu phát sinh lỗi chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111, 112: Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 635: Chi phí tài chính(Lỗi tỷ giá hối đoái)

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111, 112: Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 515: Doanh thu tài chính(Lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 131, 136, 138: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

b, Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán bằng ngoại tệ

+ Nếu doanh nghiệp dùng tỷ giá thực tế:

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh

Nợ TK 152, 153, 156, 211: Tỷ giá thực tế

Nợ TK 133: Thuế VAT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331: Phải trả cho người bán

- Khi thanh toán:

Nếu lỗi tỷ giá:

Nợ TK 331: Tỷ giá thực tế lúc ghi sổ

Nợ TK 635: Nếu lỗi về tỷ giá hối đoái

Có TK 111, 112: Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế

Nếu lãi tỷ giá:

Nợ TK 331: Tỷ giá thực tế lúc ghi sổ

Có TK 111, 112: Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế thanh toán

Có TK 515: nếu lãi về tỷ giá hối đoái

+ Nếu doanh nghiệp sử dụng tỷ giá hạch toán:

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán
 - Nợ TK 152, 153, 156, 211: Tỷ giá thực tế
 - Nợ TK 133: VAT đầu vào được khấu trừ
 - Nợ TK 635: Nợ lỗ về tỷ giá hối đoái
 - Có TK 331: Phải trả cho người bán
 - Có TK 515: Nợ lãi về tỷ giá hối đoái
- Khi thanh toán:
 - Nợ TK 331: Tỷ giá hạch toán
 - Có TK 111, 112: Số tiền phải trả cho người bán
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:
- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, ghi:
 - Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán
 - Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).
- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, ghi:
 - Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)
 - Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

1.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC được ban hành ngày 22/12/2014, có hiệu lực từ 05/02/2015, áp dụng cho những năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015, doanh nghiệp được xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ. Trường hợp doanh nghiệp không tự xây dựng có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo phụ lục 04 ban hành theo thông tư 200.

Để tiến hành ghi chép sổ sách, kế toán tại doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán. Mỗi hình thức có hệ thống sổ sách riêng, các hình thức hạch toán riêng.

Sổ sách kế toán được vận dụng tương ứng với năm hình thức ghi sổ kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký – Chứng từ
- Hình thức Kế toán máy

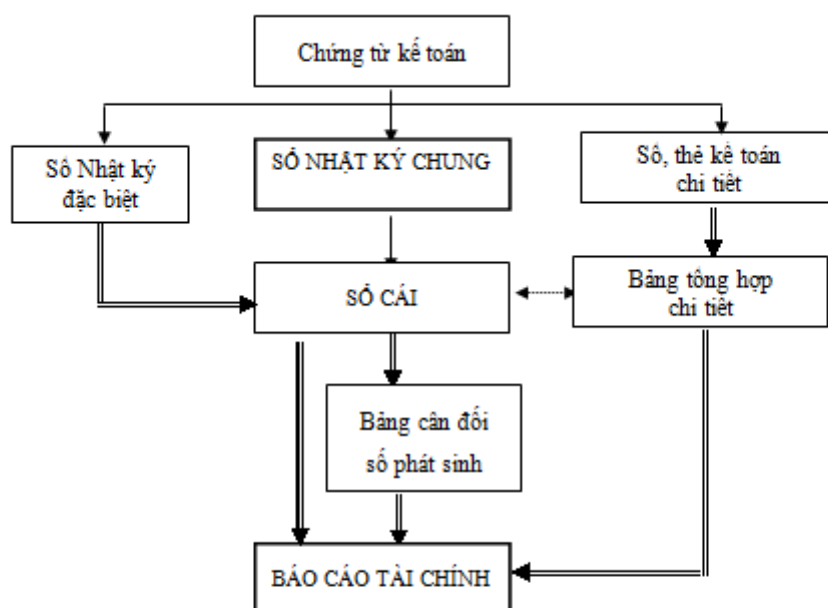
1.5.1. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức “Nhật ký chung”

Hình thức nhật ký chung được sử dụng rộng rãi trong các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp có quy mô lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp sử dụng máy vi tính vào trong công tác kế toán.

Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ các chứng từ, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để vào sổ cái các tài khoản kế toán phù hợp và các sổ chi tiết có liên quan.

Trường hợp đơn vị mở sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ chứng từ đã kiểm tra, ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

1.5.2. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức “Nhật ký – Sổ cái”

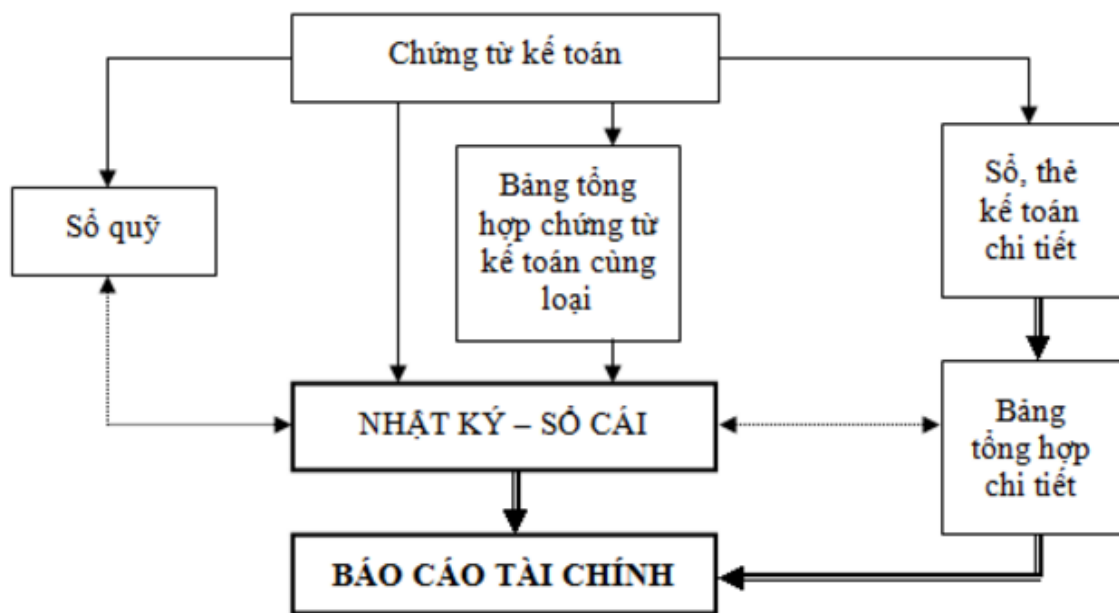
Hình thức này thích hợp với các đơn vị sự nghiệp và ở những doanh nghiệp nhỏ sử dụng ít tài khoản kế toán.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký –Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



Hàng ngày: Kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký- sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại)

được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại(phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ

Cuối kỳ: Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký- Sổ cái.

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong sổ Nhật ký- sổ cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Tổng số tiền của cột phát sinh ở Nhật ký = Tổng số phát sinh Nợ của tất cả các Tài khoản = Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản.

Tổng số dư Nợ của tất cả các tài khoản = Tổng số dư Có các Tài khoản.

1.5.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán bao gồm:

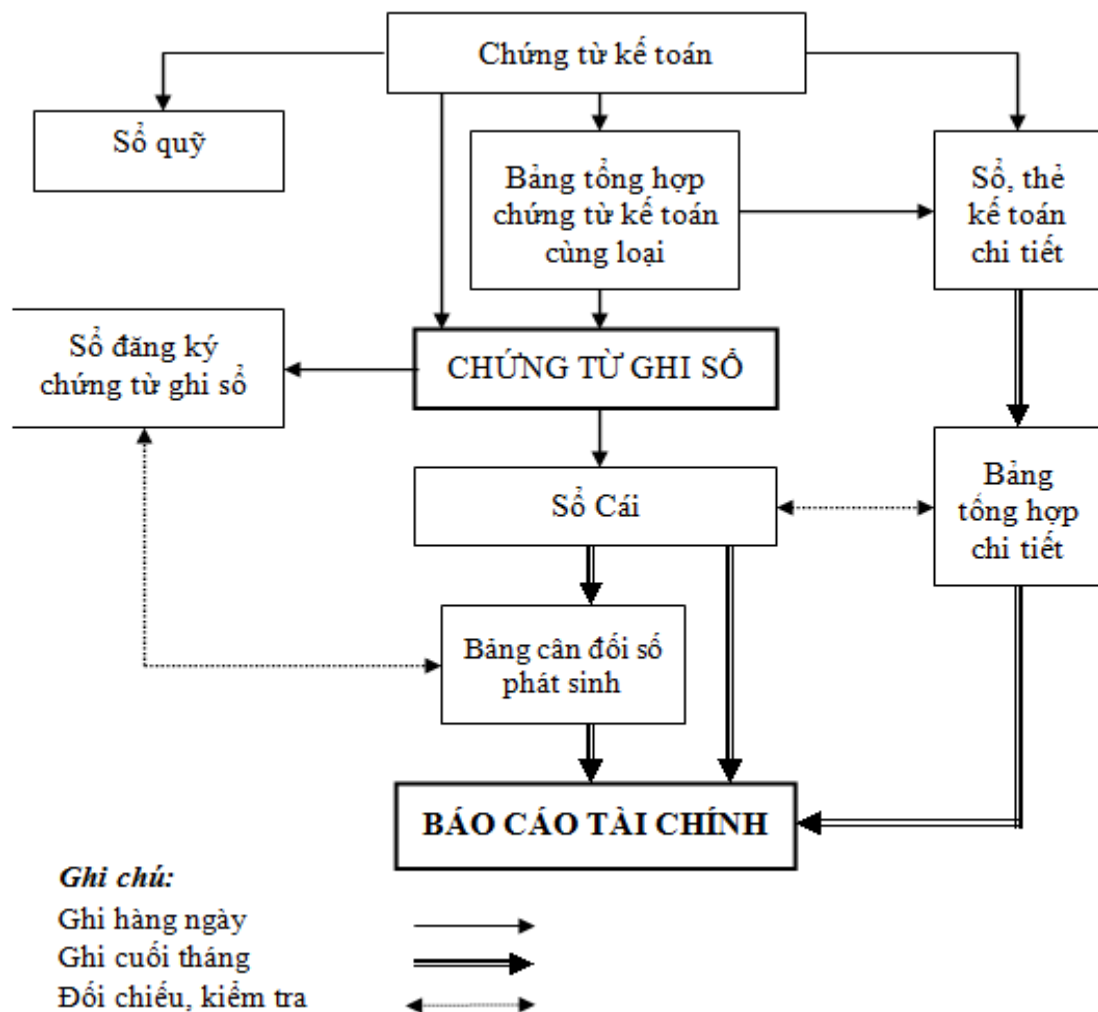
- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ được đánh số liên tiếp trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sổ kế toán sau: Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức “Chứng từ ghi sổ”



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối kỳ, phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập báo cáo tài chính.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có của tất các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và tổng số dư có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

1.5.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán “Nhật ký – Chứng từ”

Hình thức này thích hợp với những doanh nghiệp lớn, số lượng nghiệp vụ nhiều và điều kiện kế toán thủ công, dễ chuyên môn hóa cán bộ kế toán tuy nhiên đòi hỏi trình độ nghiệp vụ của kế toán phải cao. Mặt khác nó không phù hợp với việc sử dụng kế toán máy.

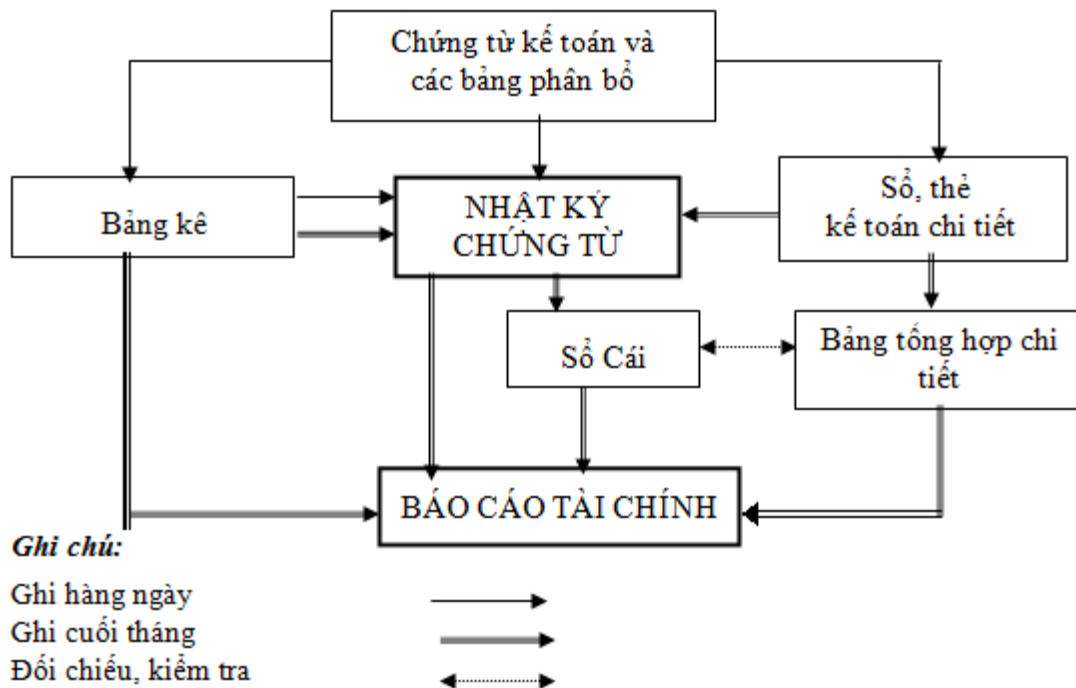
Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép. Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính

Hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái; Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chứng từ



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký – chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký- chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký – chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký- chứng từ

Cuối kỳ khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký – chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ kế toán có liên quan. Cuối kỳ, cộng các sổ hoặc thẻ chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái.

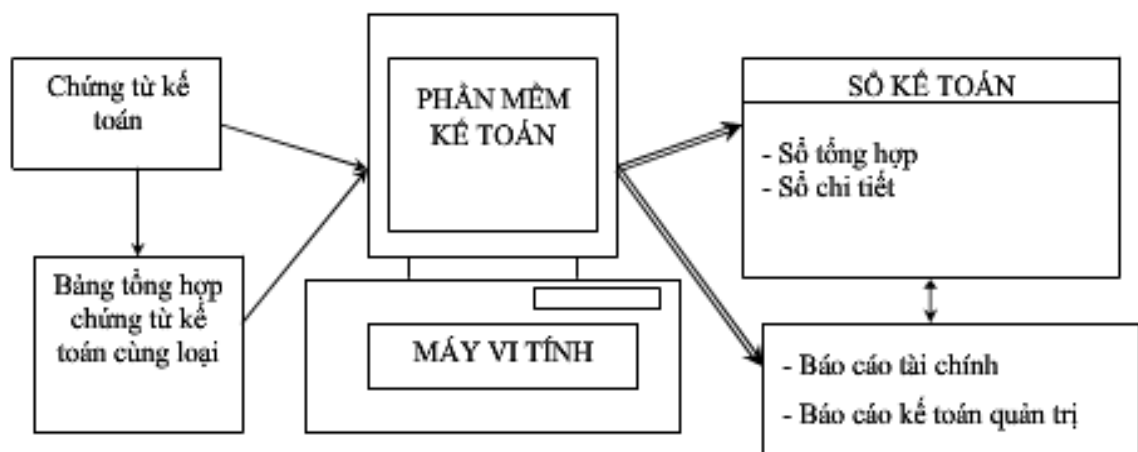
Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký- chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.5.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu của sổ kế toán ghi tay.

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký- sổ cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ, (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được cập nhật trong kỳ. người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

(3) Cuối kỳ, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY VẬN TẢI QUỐC TẾ THÁI DỪNG****2.1. Khái quát chung về Công Ty Cổ Phần Vận Tải Quốc Tế Thái Dững****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Tên công ty	: Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững
Tên tiếng anh	: Thai Dung International Transport Joint Stock Company
Trụ sở chính	: Số 412 – Lê Thánh Tông – Máy Chai – Ngô Quyền – TP Hải Phòng
Mã số thuế	: 0201302233
Điện thoại	: 0313260857
Fax	: 0313260857
Nơi đăng ký quản lý	: Chi cục thuế Quận Ngô Quyền
Giấy phép kinh doanh số	: 0201302233
Ngày cấp	: 19/06/2013
Ngày bắt đầu hoạt động	: 28/06/2013
Ngành nghề chính	: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Đại diện pháp luật	: Nguyễn Thị Thường Thúy
Vốn điều lệ	: 10.000.000.000 VNĐ

Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững là doanh nghiệp được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0201302233 ngày 27/12/2010 do Sở Kế Hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững là đơn vị thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, có các quyền, nghĩa vụ dân sự theo Pháp luật quy định.

Trong quá trình hoạt động, công ty có được nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn.

-Thuận lợi:

Nền kinh tế đang phục hồi ổn định, trong giai đoạn mở rộng giao lưu kinh tế quốc tế giúp lượng hàng hóa lưu thông tăng lên, dẫn đến nhu cầu về vận chuyển cũng tăng, đây là cơ hội lớn cho doanh nghiệp đi lên.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết gắn bó, có năng lực chuyên môn vững chắc, tinh thần làm việc tốt, năng động, sáng tạo và luôn nỗ lực hết mình với công việc đây là nền tảng quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp hiện tại và tương lai.

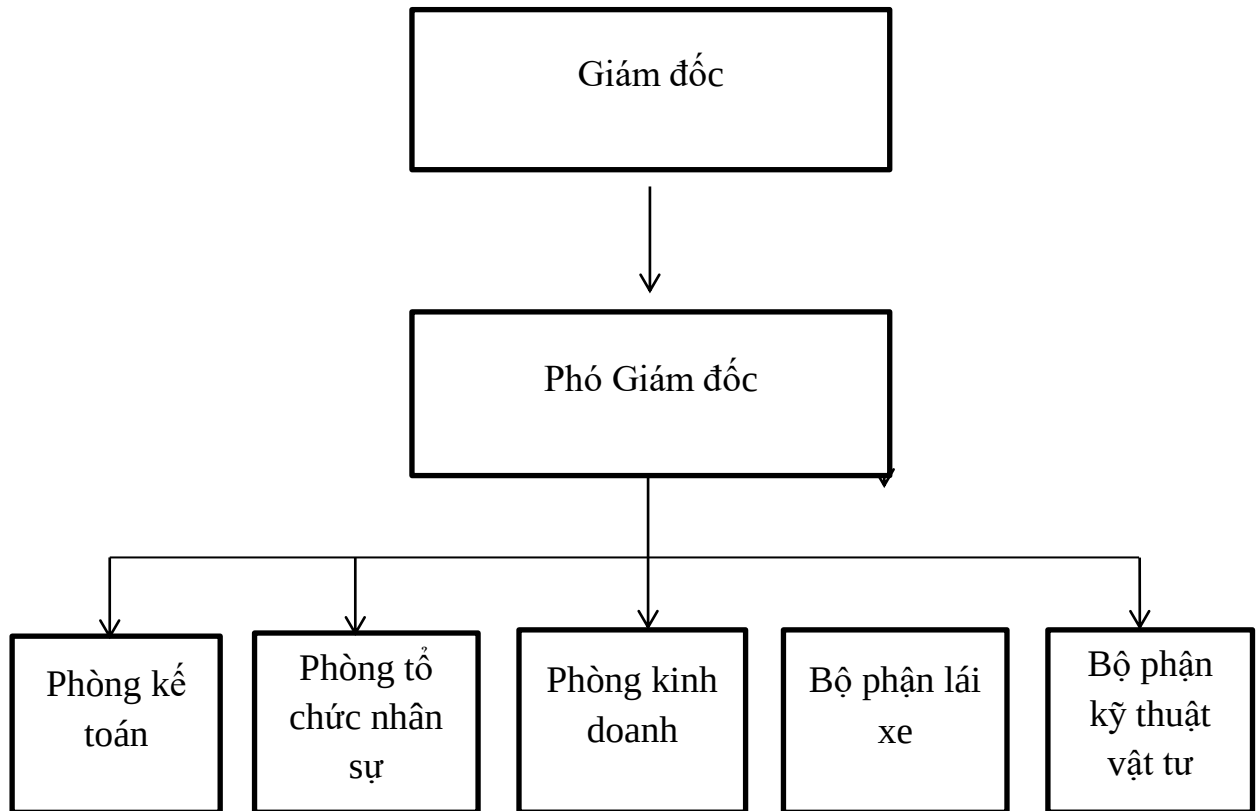
Văn phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của của công ty. Phương tiện vận chuyển được đầu tư hiện đại, cung cấp những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Môi trường làm việc chuyên nghiệp khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán. Sự điều hành đúng đắn, hiệu quả của ban lãnh đạo, đã tạo nên uy tín cho doanh nghiệp, có những bạn hàng ổn định, công nợ tốt.

- Khó khăn:

Bên cạnh đó, thị trường mở rộng khiến cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhiều đối thủ mạnh, đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược phù hợp đúng đắn để doanh nghiệp có thể hoạt động phát triển bền vững.

Vốn lưu động còn thấp là thách thức lớn đối với doanh nghiệp khi phải cạnh tranh với đối thủ, nhất là trong ngành vận tải cước lưu, việc thanh toán công nợ lưu động ít nhất một tháng, điều này yêu cầu phải có nguồn vốn lưu động để duy trì sự hoạt động cho doanh nghiệp.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty**Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng**

* Chức năng từng bộ phận:

- **Giám đốc Công ty:** Chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp trên và các cơ quan pháp luật về hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý, tổ chức điều hành chung tất cả các hoạt động sản xuất của công ty. Có trách nhiệm giải quyết các chế độ chính sách, đời sống, công việc làm cho cán bộ, nhân viên. Phụ trách đối nội đối ngoại.

- **Phó giám đốc công ty:** chịu trách nhiệm về công tác kỹ thuật: tổ chức, quản lý, giám sát thực hiện các kế hoạch về công tác kỹ thuật phát triển vận tải.

- **Phòng kinh doanh:** có chức năng tham mưu cho Giám đốc công ty về việc lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh vận tải hàng tháng, hàng quý, năm cho các đội xe. Lập kế hoạch tiền lương, lao động, bảo hộ lao động cho toàn Công ty.

- **Phòng tổ chức nhân sự:** Chịu trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác tài chính cho công ty, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, tham mưu cho Giám đốc công ty về nhân lực.

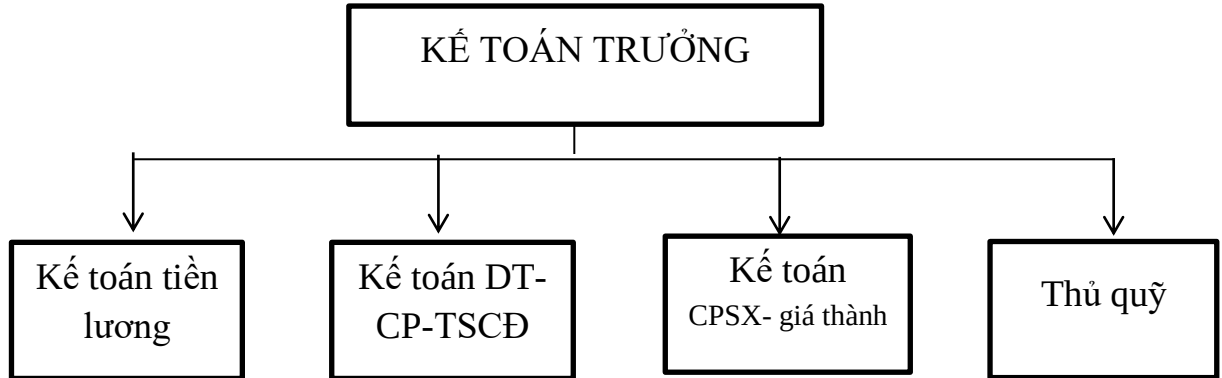
- **Phòng kế toán:** Có trách nhiệm lập kế hoạch thu chi hàng năm cho công ty, tham mưu cho Giám đốc phê duyệt và làm cơ sở thực hiện. Chủ trì thực hiện nhiệm vụ thu và chi, kiểm tra việc chi tiêu các khoản tiền vốn, theo dõi và đối chiếu công nợ.

- **Bộ phận kỹ thuật vật tư:** Có nhiệm vụ cung cấp phụ tùng, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển của công ty.

- **Bộ phận lái xe:** Lái xe an toàn, bảo quản xe và toàn bộ hàng hoá trên xe. Chạy đúng tuyến quy định, hoặc do chỉ định của người điều hành. Lái xe có trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, phát hiện hư hỏng tránh để hỏng nặng gây thiệt hại lớn. Báo cáo thường xuyên tình trạng và lộ trình xe với lãnh đạo. Ghi sổ đầy đủ số kilômét, tình trạng sử dụng nhiên liệu, và vệ sinh trong ngoài xe. Ghi đầy đủ sổ nhật ký, hành trình của xe.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán Công ty Cổ phần Vận tải quốc tế Thái Dũng



*Chức năng, nhiệm vụ của từng người:

- **Kế toán trưởng:** Chỉ đạo, tổ chức các phân hành kế toán. Kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

- **Kế toán tiền lương:** phụ trách mảng lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương của cán bộ công nhân viên quản lý trong công ty. Chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về công tác được giao.

- **Kế toán DT – CP:** Theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến chi phí, doanh thu các hoạt động kinh doanh, cũng như theo dõi việc đôn đốc các khoản nợ, theo dõi đối chiếu các khoản công nợ. Chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về công tác được giao.

- **Thủ quỹ:** quản lý tiền mặt, theo dõi nghiệp vụ thu chi bằng tiền mặt. Có nhiệm vụ quản lý, đảm bảo bí mật an toàn tuyệt đối quỹ tiền mặt, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, kim khí,...Thực hiện đầy đủ kịp thời, chính xác đối với tiền gửi ngân hàng, bảo toàn bí mật tài khoản tiền gửi ngân hàng, ghi chép đầy đủ với ngân hàng, phát hiện những sai sót để điều chỉnh cho kịp thời.

- **Kế toán chi phí - giá thành:** Xác định đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành dịch vụ thích hợp. Tổ chức vận dụng các tài khoản kế toán để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ phù hợp.

2.1.3.1. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng

- **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/12/2014.

- **Niên độ kế toán:** công ty áp dụng từ ngày 01/01/N, kết thúc vào ngày 31/12/N.

- **Đơn vị tiền tệ :** Công ty sử dụng đồng nội tệ: đồng Việt Nam (VNĐ) trong các ghi chép và báo cáo quyết toán của mình.

- **Phương pháp hạch toán:** phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp tính thuế GTGT:** theo phương pháp khấu trừ.

- **Hình thức kế toán:** Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và sử dụng các công cụ hỗ trợ như word, excel,... phục vụ công tác kế toán.

- **Các sổ sách chủ yếu:**

Sổ Nhật ký chung

Các loại sổ kế toán chi tiết

Sổ cái

Bảng tổng hợp chi tiết

- **Chứng từ kế toán sử dụng:**

Hóa đơn GTGT(Mẫu số 01GTKT3/001)

Phiếu thu, phiếu chi

Giấy báo nợ, giấy báo có

Giấy đề nghị thanh toán

Ủy nhiệm chi

Các chứng từ khác có liên quan

- **Tài khoản sử dụng**

TK 131: Phải thu của khách hàng

TK 331: Phải trả người bán

TK 111: Tiền mặt

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

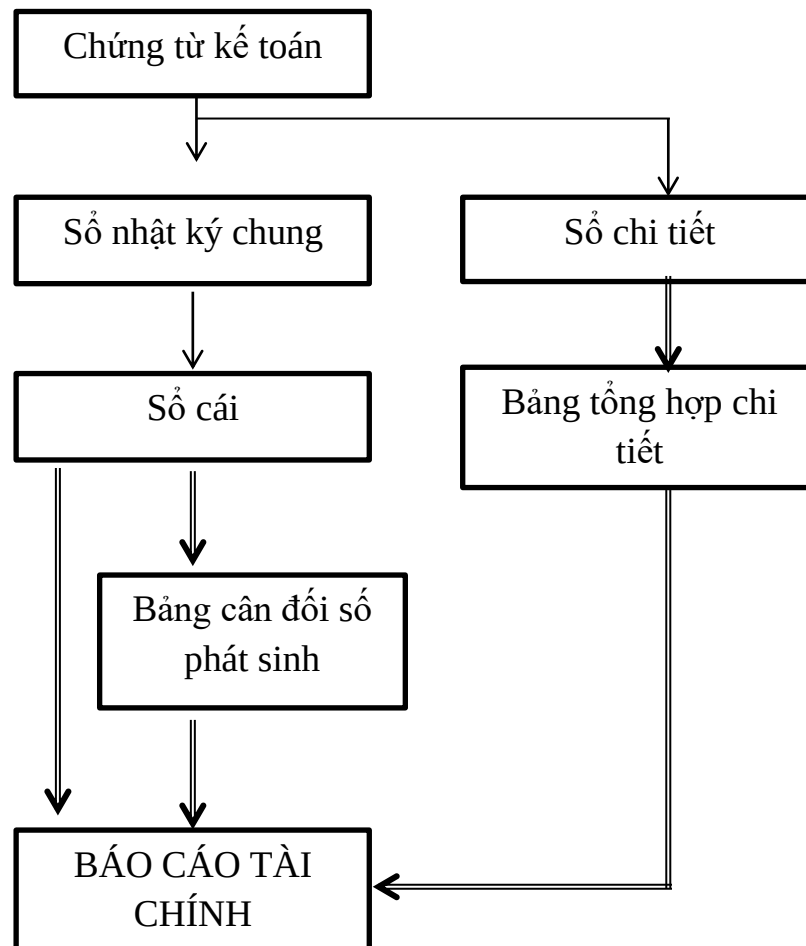
TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Các TK khác có liên quan

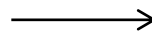
2.1.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty Cổ phần Vận Tải Quốc Tế Thái Dũng

Sơ đồ 2.3: Trình tự hạch toán kế toán của công ty theo hình thức Nhật ký chung

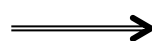


Ghi chú:

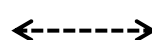
Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:



Quan hệ đối chiếu kiểm tra:



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán đã phát sinh được ghi trên sổ Nhật ký chung. Trong kỳ bạn đã sử dụng bao nhiêu tài khoản thì sẽ có bấy nhiêu sổ cái tương ứng cho các tài khoản đó.

Nếu công ty có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu trên lập Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết(được lập từ các Sổ, các thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc. **Tổng số phát sinh Nợ** và **Tổng số phát sinh Có** trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng **Tổng số phát sinh Nợ** và **Tổng số phát sinh Có** trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững

Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững hoạt động trong lĩnh vực vận tải, chuyên cung cấp các dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ.

Nghị vụ thanh toán là mối quan hệ của doanh nghiệp với các đối tượng trong và ngoài doanh nghiệp về các khoản phải thu, phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải nên nghị vụ thanh toán của doanh nghiệp rất đa dạng về đối tượng cũng như về quy mô.

Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán của công ty được thể hiện như sau:

Tại công ty Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững có hai phương thức thanh toán đó là thanh toán ngay (trực tiếp) và thanh toán trả chậm. Các hình thức thanh toán đó là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản.

➤ Đối với người mua

- **Phương thức thanh toán:** Tại công ty phương thức thanh toán trực tiếp được áp dụng với những khách hàng là cá nhân mua hàng với số lượng ít và không phải là khách hàng thường xuyên của công ty. Với phương thức chậm trả công ty áp dụng cho những doanh nghiệp là khách hàng thường xuyên, mua hàng với số lượng lớn và theo phương thức hàng gởi hàng. Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền cán bộ tạm ứng, bằng chuyển khoản, có thể thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng)...

- **Hình thức thanh toán:** Hình thức thanh toán bằng tiền mặt công ty áp dụng với những khách hàng mua hàng với số lượng ít. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản công ty áp dụng đối với những đối tác mua hàng với số lượng lớn, những đối tác ở xa, ủy quyền thanh toán cho bên thứ ba thanh toán qua ngân hàng.

➤ Đối với người bán hàng

- **Phương thức thanh toán:** Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ lẻ, số lượng ít. Còn đối với nhà cung cấp lâu năm, nhà cung cấp theo

phương thức hàng gởi hàng công ty áp dụng hình thức trả ngay hoặc trả chậm tùy vào thỏa thuận của hai bên.

- **Hình thức thanh toán:** hình thức thanh toán bằng tiền mặt công ty áp dụng với những nhà cung cấp có đơn hàng với giá trị nhỏ hơn 20.000.000 (đồng). Tuy nhiên đơn hàng có giá trị nhỏ hơn 20.000.000 (đồng) có thể chuyển khoản hoặc trả bằng tiền mặt với sự thống nhất giữa công ty với nhà cung cấp trong hợp đồng.

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng

- *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Hợp đồng mua bán dịch vụ
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có
- + Giấy đề nghị thanh toán
- + Các chứng từ khác có liên quan

- *Tài khoản sử dụng:*

TK 131 : Phải thu của khách hàng.

Tài khoản 131 được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng. Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 333 : Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

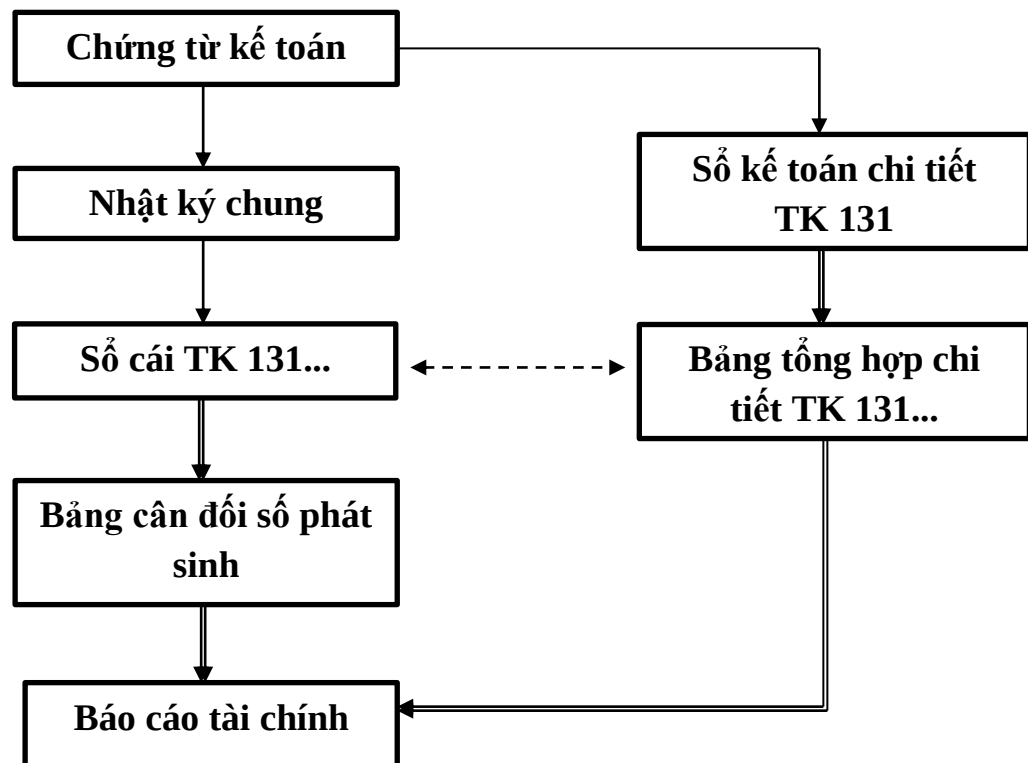
TK 111 : Tiền mặt

TK 112 : Tiền gửi ngân hàng

- *Sổ sách sử dụng:*

- + Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 131 và các tài khoản khác có liên quan
- + Sổ chi tiết thanh toán và bảng tổng hợp thanh toán với người mua

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi định kỳ
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 131, TK 511, TK 333,... đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi khoản nợ phải thu cho từng khách hàng.

Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho từng khách hàng kế toán lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng sẽ được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 14/11/2015, Công ty CP Vận tải Quốc tế Thái Dũng vận chuyển container hàng cho công ty CP Liên Việt logistics, tổng hóa đơn thanh toán 26.048.000

*Căn cứ Hóa đơn GTGT số **0015345** và chứng từ liên quan, kế toán ghi chép vào sổ sách theo định khoản sau:*

Nợ TK 131: 26.048.000

Có TK 511: 23.680.000

Có TK 333: 2.368.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở công ty CP Liên Việt logistics (biểu số 2.7). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.6).

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng mở cho công ty CP Liên Việt logistics để lập Bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.9).

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0015345

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 3 (Nội bộ)			Ký hiệu: AA/15P																
Ngày 14 tháng 11 năm 2015			Số: 0015345																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI QUỐC TẾ THÁI DŨNG																			
Mã số thuế: 0201302233																			
Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông - Máy Chai – Ngô Quyền – Hải Phòng																			
Điện thoại: 0313260857																			
Họ tên người mua hàng: Lê Trung Kiên																			
Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN VIỆT LOGISTICS																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>6</td><td>4</td><td>0</td><td>4</td><td>5</td><td>8</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	1	6	4	0	4	5	8				
0	2	0	1	6	4	0	4	5	8										
Địa chỉ: Số 83 – Đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền – TP Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán: TM/CK .																			
STT	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5														
1	Cước vận chuyển Container	cont	40	592.000	23.680.000														
Cộng tiền hàng:					23.680.000														
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			2.368.000														
Tổng tiền thanh toán:					26.048.000														
<u>Số tiền viết bằng chữ:</u> Hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn.																			
Người mua hàng (ký và ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký và ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																			

Ví dụ 02: Ngày 19/12/2016, Công ty CP Liên Việt Logistics thanh toán công nợ cho Công ty CP Vận tải Quốc tế Thái Dũng, số tiền 40.500.000. Thanh toán bằng chuyển khoản. Công ty đã nhận được giấy báo có của ngân hàng.

Căn cứ giấy báo có và chứng từ hiện có, kế toán ghi chép sổ sách theo định khoản:

Nợ TK 112: 40.500.000

Có TK 131: 40.500.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở công ty CP Liên Việt logistics (biểu số 2.7). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.6).

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng mở cho công ty công ty CP Liên Việt logistics để lập Bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.9).

Biểu số 2.2: Giấy báo có số 568

 ASIA COMMERCIAL BANK NGÂN HÀNG Á CHÂU
Chi nhánh-ACB-CN Hải Phòng
GIẤY BÁO CÓ
Ngày 19/12/2015
So GD: 568
Kính gửi: Công ty Cổ phần Vận Tải Quốc Tế Thái Dững
Mã số thuế: 0201302233
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi có : 159974879
Số tiền bằng số: 40,500,000
Số tiền bằng chữ : Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.
Nội dung : Công ty cổ phần Liên Việt Logistics thanh toán công nợ.
Giao dịch viên
Kiểm soát

Ví dụ 03: Ngày 15/11/2015, công ty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc ứng trước tiền vận chuyển, số tiền 130.000.000. Công ty Thái Dững đã nhận được giấy báo có của ngân hàng.

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép vào sổ sách theo định khoản:

Nợ TK 112: 130.000.000

Có TK 131: 130.000.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở công ty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc (biểu số 2.8). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.6).

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng mở cho công ty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc để lập Bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.9).

Biểu số 2.3: Giấy báo có số 554

 ASIA COMMERCIAL BANK NGÂN HÀNG Á CHÂU
Chi nhánh-ACB-CN Hải Phòng
GIẤY BÁO CÓ
Ngày 15/11/2015
So GD: 554
Kính gửi: Công ty Cổ phần Vận Tải Quốc Tế Thái Dững
Mã số thuế: 0201302233
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi có : 159974879
Số tiền bằng số: 130,000,000
Số tiền bằng chữ : Một trăm ba mươi triệu đồng chẵn.
Nội dung : Công Ty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc thanh toán công nợ.
Giao dịch viên
Kiểm soát

Ví dụ 04: Ngày 10/12/2016, Công ty CP Vận tải Quốc tế Thái Dũng vận chuyển quặng cho công ty TNHH mỏ Nikel Bản phúc, tổng số tiền vận chuyển chưa VAT 10% là 26.800.000, chưa thu tiền.

*Căn cứ Hóa đơn GTGT số **0015360** và chứng từ liên quan, kế toán ghi chép vào sổ sách theo định khoản sau:*

Nợ TK 131: 29.480.000

Có TK 511: 26.800.000

Có TK 333: 2.680.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở công ty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc (biểu số 2.8). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.6).

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng mở cho công ty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc để lập Bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.9).

Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT 0015360

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3 (Nội bộ)			Ký hiệu: AA/15P		
Ngày 10 tháng 12 năm 2015			Số: 0015360		
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI QUỐC TẾ THÁI DŨNG					
Mã số thuế: 0201302233					
Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông - Máy Chai – Ngô Quyền – Hải Phòng					
Điện thoại: 0313260857					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Long					
Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỎ NICKEL BẢN PHÚC					
Mã số thuế:		5	5	0	0
		1	6	3	0
		2	6		
Địa chỉ: Xã Mường Khoa-Bắc Yên-Sơn La - Huyện Bắc Yên - Sơn La					
Hình thức thanh toán: TM/CK.					
	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x 2
1	Cước vận chuyển hàng	chuyến	20	1.340.000	26.800.000
Cộng tiền hàng					26.800.000
Thuế suất GTGT 10%.		Tiền thuế GTGT			2.680.000
Tổng số tiền thanh toán					29.480.000
<u>Số tiền viết bằng chữ:</u> Hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký và ghi rõ họ tên)		(ký và ghi rõ họ tên)		(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.5: Trích sổ Nhật ký chung năm 2015

Đơn vị: Công ty CP vận tải quốc tế Thái Dững

Mẫu số S03a - DN

Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy

(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC

Chai, NQ, HP

ngày 24/12/2014 của BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...	...	...	...	...	...	...
14/11	HĐ15345	14/11	Vận chuyển container cho công ty Liên Việt chưa thu tiền	131 511 333	26.048.000	23.680.000 2.368.000
15/11	GBC554	15/11	Công ty TNHH mở Nikel Bản Phúc ứng trước tiền hàng	112 131	130.000.000	130.000.000
...	...	...	...	...	...	...
10/12	HĐ15360	10/12	Vận chuyển hàng cho Cty TNHH mở Nikel Bản Phúc	131 511 333	29.480.000	26.800.000 2.680.000
...	...	...	...	...	...	...
19/12	GBC568	19/12	Cty Liên Việt Logistics thanh toán công nợ	112 131	40.500.000	40.500.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		117.030.293.873	117.030.293.873

Giám đốc

(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký và ghi rõ họ tên)

Người lập

(ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK 131

Đơn vị: Công ty CP vận tải quốc tế Thái Dũng

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy Chai, NQ, HP

(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC
ngày 24/12/2014 của BTC)**SỔ CÁI**

Năm: 2015

Số hiệu TK: 131 - Phải thu khách hàng

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		2.922.677.037	
...	...	...	...	...	...	...
14/11	HĐ15345	14/11	Vận chuyển container cho công ty Liên Việt chưa thu tiền	511 333	23.680.000 2.368.000	
15/11	GBC554	15/11	Công ty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc ứng trước tiền hàng	112		130.000.000
...	...	...	...	...	...	...
10/12	HĐ15360	10/12	Vận chuyển hàng cho Cty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc	511 333	26.800.000 2.680.000	
...	...	...	...	...	...	...
19/12	GBC568	19/12	Cty Liên Việt Logistics thanh toán công nợ	112		40.500.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		13.897.826.137	14.654.958.600
			Số dư cuối kỳ		2.165.544.574	

Giám đốc

(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký và ghi rõ họ tên)

Người lập

(ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.7: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (Mở cho công ty CP Liên Việt Logistics)

Đơn vị: Công ty CP vận tải quốc tế Thái Dững

Mẫu số S31-DN

Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy Chai, NQ, HP

(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC
ngày 24/12/2014 của BTC)**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

Năm: 2015

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng: Công ty Cổ phần Liên Việt Logistics

ĐVT: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>					<u>26.000.000</u>
...	...	...	...	...	...	...	...	...
14/11	HĐ15345	14/11	Vận chuyển container cho công ty Liên Việt logistics chưa thu tiền	511 333	23.680.000 2.368.000		216.348.000 218.716.000	
10/12	GBC568	10/12	Cty Liên Việt Logistics thanh toán công nợ	112		40.500.000	178.216.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		1.515.245.700	1.474.683.000		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				<u>14.562.700</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký và ghi rõ họ tên)**Người ghi sổ**
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.8: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (Mở cho Công ty TNHH mở Nikel Bản Phúc)

Đơn vị: Công ty CP vận tải quốc tế Thái Dũng

Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy Chai, NQ, HP

Mẫu số S31-DN

(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC
ngày 24/12/2014 của BTC)**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

Năm: 2015

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH mở Nikel Bản Phúc

ĐVT: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				<u>107.500.000</u>	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/11	BC554	15/11	Công ty TNHH mở Nikel Bản Phúc ứng trước tiền hàng	112		130.000.000		130.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
10/12	HĐ15360	10/12	Vận chuyển hàng cho Cty TNHH mở Nikel Bản Phúc	511 333	26.800.000 2.680.000		196.440.000 199.120.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		1.171.655.000	1.396.000.000		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>					<u>116.845.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký và ghi rõ họ tên)**Người ghi sổ**
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cuối tháng căn cứ vào các sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp thanh toán với người mua

Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty cổ phần vận tải quốc tế Thái Dũng

Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy Chai, NQ, HP

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Năm 2015

Tài khoản: 131 - Phải thu khách hàng

ĐVT: đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Cổ phần Liên Việt Logistics		26.000.000	1.515.245.700	1.474.683.000	14.562.700	
2	Công ty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc	107.500.000		1.171.655.000	1.396.000.000		116.845.000
...	...	...	...	...	...	...	...
	Cộng	3.232.677.037	310.000.000	13.897.826.137	14.654.958.600	2.595.544.574	430.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công Ty cổ Phần Vận Tải Quốc Tế Thái Dũng**➤ Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng**

- Chứng từ để sử dụng thanh toán với người bán gồm:
 - + Hợp đồng mua bán dịch vụ
 - + Hóa đơn giá trị gia tăng
 - + Phiếu chi
 - + Giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi
 - + Giấy đề nghị thanh toán
 - + Các chứng từ liên quan khác.
- Tài khoản sử dụng:

TK 331 – Phải trả người bán.

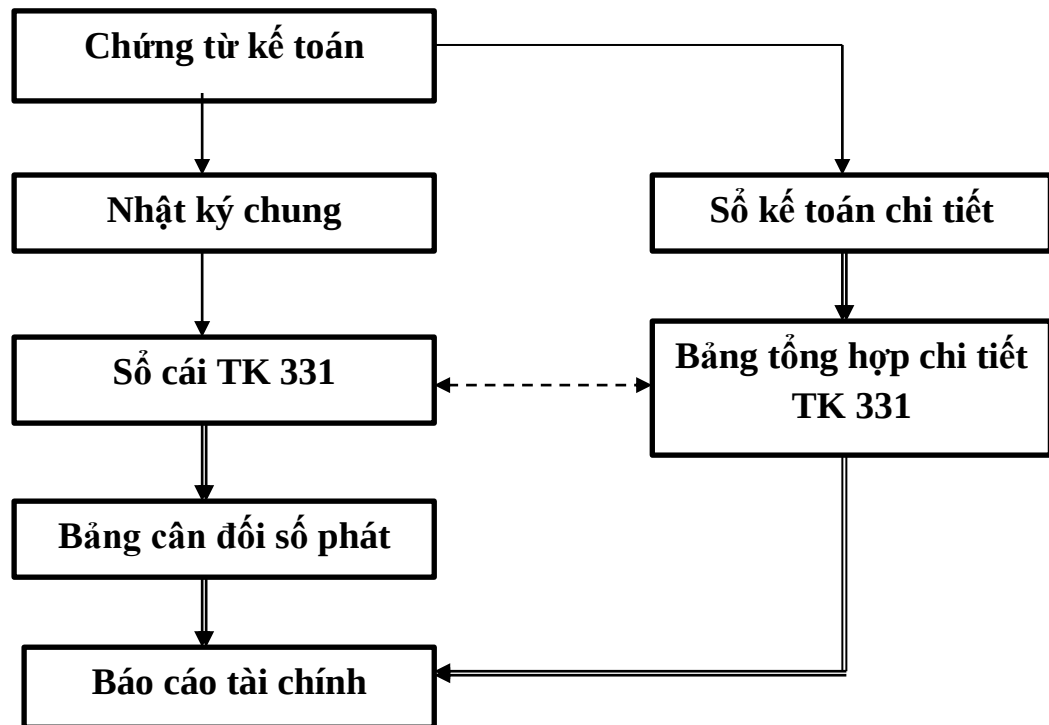
Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

- + TK 331 : Phải trả người bán
- + TK 152 : Nguyên vật liệu
- + TK 211: Tài sản cố định
- + TK 133 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:
 - + Nhật ký chung
 - + Sổ chi tiết phải trả người bán
 - + Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
 - + Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan.

➤ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công Ty cổ Phần Vận Tải Quốc Tế Thái Dũng

**Ghi chú:**

- : Ghi hàng ngày
 =====> : Ghi định kỳ
 <-----> : Đối chiếu kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả cho người bán. Sau đó căn cứ vào Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 331, TK 211,...

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết mở cho từng nhà cung cấp để lập bảng tổng hợp nợ phải trả người bán. Căn cứ vào số liệu bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 331 để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 01: Ngày 01/12/2015, Công ty một xe đầu kéo của Công ty cổ phần XNK quốc tế Hà Anh theo hóa đơn GTGT số 0000188 với trị giá chưa VAT 10% là 945.340.000, chưa thanh toán.

*Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số **0000188** và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán tiến hành ghi sổ sách theo định khoản sau:*

Nợ TK 211: 945.340.000

Nợ TK 133: 94.534.000

Có TK 331: 1.039.874.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.16), đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 mở cho công ty XNK Quốc tế Hà Anh (biểu số 2.18). Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.17).

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (biểu số 2.20).

Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT số 0000188

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2 (Giao khách hàng)			Ký hiệu: AA/15P		
Ngày 01 tháng 12 năm 2015			Số: 0000188		
Đơn vị bán hàng: Công Ty Cổ Phần XNK Quốc Tế Hà Anh					
Điện thoại: 031.789.543					
Địa chỉ: Số 22 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng					
Mã số thuế: 0201318321					
Đơn vị mua hàng: Công Ty Cổ Phần Vận Tải Quốc Tế Thái Dũng					
Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông - Máy Chai – Ngô Quyền – Hải Phòng					
Điện thoại: 0313260857					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản			Mã số thuế: 0201302233		
STT	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x 2
1	Đầu kéo	Chiếc	01	945.340.000	945.340.000
Cộng tiền hàng:				945.340.000	
Thuế suất GTGT: 10%.		Tiền thuế GTGT:		94.534.000	
Tổng số tiền thanh toán:				1.039.874.000	
<u>Số tiền viết bằng chữ:</u> Một tỷ không trăm ba mươi chín triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (ký và ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký và ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký và ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Ví dụ 02: Ngày 05/12/2015, Cty trả nợ cho công ty cổ phần XNK Quốc tế Hà Anh bằng tiền gửi ngân hàng số tiền 600.000.000. Công ty đã nhận được giấy báo nợ của ngân hàng.

Căn cứ vào giấy báo nợ và chứng từ liên quan, kế toán tiến hành ghi chép sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 331: 600.000.000

Có TK 112: 600.000.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.16), đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 mở cho công ty XNK Quốc tế Hà Anh (biểu số 2.18). Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.17).

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (biểu số 2.20).

Biểu số 2.11: Ủy nhiệm chi số 0512

 NGÂN HÀNG Á CHÂU		ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER		Số/sep no: UNC0512 ngày/date :05/12/2015	
Tax code :					
Số tiền/amount: 600,000,000		VND		Phí trong: Charge included	
Bằng chữ/in word: Sáu trăm triệu đồng chẵn..				Phí NH:	
Nội dung/remarks: Trả nợ cho Công ty Cổ Phần XNK Quốc				Charges	
Tế Hà Anh				Phí ngoài: Charge excluded	
Đơn vị /người yêu cầu: Công ty Cổ phần			Đơn vị/người hưởng: Công Ty Cổ Phần XNK		
Vận tải Quốc tế Thái Dũng.			Quốc Tế Hà Anh		
Applicant			Beneficiary		
Số cmnd/id/pp :			Số cmnd/id/pp :		
Ngày cấp/date :		Nơi cấp/place :		Ngày cấp/date : Nơi cấp/place :	
Số tài khoản/AC No: 159974879			Số tài khoản/AC No: 9704155232684052		
Tại NH/at bank: Ngân hàng ACB- CN Hải Phòng.			Tại NH/at bank: Ngân hàng Vietin Bank – CN Hải Phòng.		
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	Ngân hàng gửi	Ngân hàng nhận		

Biểu số 2.12: Giấy báo nợ số 573

 ASIA COMMERCIAL BANK NGÂN HÀNG Á CHÂU
Chi nhánh-ACB-CN Hải Phòng
GIẤY BÁO NỢ
Ngày 05/12/2015
So GD: 573
Kính gửi: Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng.
Mã số thuế: 0201302233
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi nợ : 159974879
Số tiền bằng số: : 600,000,000
Số tiền bằng chữ : Sáu trăm triệu đồng chẵn.
Nội dung : Chi trả nợ cho Công ty Cổ phần XNK Quốc tế Hà Anh.
GIAO DỊCH VIÊN
KIỂM SOÁT

Ví dụ 03: Ngày 13/12/2016 Công ty mua chịu nhiên liệu đổ trực tiếp cho các phương tiện vận chuyển của công ty theo hóa đơn GTGT số 0017456 của công ty Công ty Xăng dầu Khu vực III – Petrolimex Hải Phòng, tổng giá thanh toán 11.464.200.

*Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số **0017456** và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi chép sổ sách theo định khoản sau:*

Nợ TK 621: 10.422.000

Nợ TK 133: 1.042.200

Có TK 331: 11.464.200

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.16), đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 mở cho Công ty Xăng dầu Khu vực III – Petrolimex Hải Phòng (biểu số 2.19). Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.17).

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (biểu số 2.20).

Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT số 0017456

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III PETROLIMEX – HẢI PHÒNG		HÓA ĐƠN GTGT (Liên 2: Giao người mua) Ngày 13 tháng 12 năm 2015		Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0017456 Mã số thuế: 0200120833	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III – PETROLIMEX HẢI PHÒNG					
Địa chỉ: Số 1 Sờ Dầu, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng			Điện thoại: 0313850632 - fax: (0313850333)		
Người mua hàng: Nguyễn Trung Kiên			Mã số thuế: 0201302233		
Địa chỉ: Công ty Cổ Phần Vận tải Quốc tế Thái Dững			Phương thức thanh toán: Tiền mặt		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng RON95	Lít	600	17.370	10.422.000
Cộng tiền hàng					10.422.000
Tiền thuế GTGT (10%)					1.042.200
Tiền phí khác					0
Tổng số tiền thanh toán					11.464.200
Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Mười một triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký và ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký và ghi rõ họ tên)		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					



Ví dụ 04: Ngày 15/12/2015, Công ty chi tiền mặt trả tiền mua nhiên liệu theo hóa đơn GTGT số 0017456 ngày 13/12/2015 cho Công ty Xăng dầu Khu vực III – Petrolimex Hải Phòng

Căn cứ các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 331: 11.464.200

Có TK 111: 11.464.200

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.16), đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 mở cho Công ty Xăng dầu Khu vực III – Petrolimex Hải Phòng (biểu số 2.19). Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.17).

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (biểu số 2.20).

Biểu số 2.14: Giấy đề nghị thanh toán

Đơn vị: Công ty CP vận tải quốc tế Thái Dững

Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy Chai, NQ, HP

Mẫu số 02 - TT

(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC

ngày 24/12/2014 của BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 15/12/2015

Kính gửi: Giám đốc công ty Vận Tải Quốc Tế Thái Dững

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Nguyễn Trung Kiên

Bộ phận(hoặc địa chỉ): Bộ phận lái xe - công ty Vận Tải Quốc Tế Thái Dững

Nội dung thanh toán: Chi trả tiền mua nhiên liệu theo hóa đơn GTGT số 0017456 ngày 13/12/2015.

Số tiền: 11.464.200 Viết bằng chữ: Mười một triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm đồng chẵn.

(Kèm theo chứng từ gốc).

Người đề nghị thanh toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người duyệt

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.15: Phiếu chi số 15/12

Đơn vị: Công ty CP vận tải quốc tế Thái Dũng	PHIẾU CHI	Số: 15/12	Mẫu số 02 - TT
Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy Chai, NQ, HP	Ngày 15 tháng 12 năm 2015	Nợ: TK331	(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC)
		Có: TK111	ngày 22/12/2014 của BTC)

Họ và tên người nhận tiền:

Đơn vị: Công ty Xăng dầu Khu vực III – Petrolimex Hải Phòng.

Lý do chi: Chi trả tiền mua nhiên liệu.

Số tiền: 11.464.200 (Viết bằng chữ): Mười một triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm đồng chẵn.

Kèm theo:.....Chứng từ gốc:.....

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm đồng chẵn.

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

Chú ý: Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu.

Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung năm 2015**Đơn vị:** Công ty CP vận tải quốc tế Thái Dũng**Mẫu số S03a - DN****Địa chỉ:** Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy

(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC

Chai, NQ, HP

ngày 24/12/2014 của BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...	...	...	...	...	...	...
01/12	HD1564	01/12	Mua chịu xe đầu kéo của Cty XNK Hà Anh	211 133 331	945.340.000 94.534.000	1.039.874.000
05/12	GBN573	05/12	Trả nợ cho cty XNK Hà Anh	331 112	600.000.000	600.000.000
...	...	...	...	...	...	...
13/12	HD17456	13/12	Mua chịu NL của Cty xăng dầu khu vực III - HP	621 133 331	10.422.000 1.042.200	11.464.200
15/12	PC15/12	15/12	Chi trả tiền mua NL Cty xăng dầu khu vực III - HP	331 111	11.464.200	11.464.200
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		117.030.293.873	117.030.293.873

Giám đốc

(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký và ghi rõ họ tên)

Người lập

(ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17: Trích sổ cái TK 331

Đơn vị: Công ty CP vận tải quốc tế Thái Dũng

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy Chai, NQ, HP

(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC
ngày 24/12/2014 của BTC)**SỔ CÁI**

Năm: 2015

Số hiệu TK: 331- Phải trả người bán

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>954.864.274</u>
...	...	...	...	...	...	...
01/12	HĐ1564	01/12	Mua chịu xe đầu kéo của Cty XNK Hà Anh	211 133		945.340.000 94.534.000
05/12	GBN573	05/12	Trả nợ cho cty XNK Hà Anh	112	600.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
13/12	HĐ17456	13/12	Mua chịu NL của Cty xăng dầu khu vực III - HP	621 133		10.422.000 1.042.200
15/12	PC15/12	15/12	Chi trả tiền mua NL Cty xăng dầu khu vực III - HP	111	11.464.200	
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		11.358.685.980	12.611.379.467
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>2.207.557.761</u>

Giám đốc

(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký và ghi rõ họ tên)

Người lập

(ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.18: Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Mở cho công ty XNK Hà Anh)

Đơn vị: Công ty CP vận tải quốc tế Thái Dũng

Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy Chai, NQ, HP

Mẫu số S31-DN

(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC
ngày 24/12/2014 của BTC)**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

Năm 2015

ĐVT: đồng

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty XNK Hà Anh

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				<u>200.000.000</u>	
01/12	HĐ1564	01/12	Mua chịu xe đầu kéo của Cty XNK Hà Anh	211 133		945.340.000 94.534.000		745.340.000 839.874.000
05/12	GBN573	05/12	Trả nợ cho Cty XNK Hà Anh	112	600.000.000			239.874.000
			Cộng phát sinh		600.000.000	1.039.874.000		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>					<u>239.874.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc

(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký và ghi rõ họ tên)

Người ghi sổ

(ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19: Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Mở cho công ty Công ty xăng dầu khu vực III – Petrolimex Hải Phòng)

Đơn vị: Công ty CP vận tải quốc tế Thái Dũng

Mẫu số S31-DN

Địa chỉ: Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy Chai, NQ, HP

(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC
ngày 24/12/2014 của BTC)**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

Năm: 2015

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty xăng dầu khu vực III – Petrolimex Hải Phòng

ĐVT: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>					<u>56.000.000</u>
...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/12	HĐ17456	13/12	Mua chịu NL của Cty xăng dầu khu vực III - HP	621 133		10.422.000 1.042.200		63.114.000 64.156.200
15/12	PC15/12	15/12	Chi trả tiền mua NL Cty xăng dầu khu vực III - HP	111	11.464.200			52.692.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		2.654.250.000	2.429.475.500		
			Số dư cuối kỳ				<u>168.774.500</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc

(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký và ghi rõ họ tên)

Người ghi sổ

(ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20: Bảng tổng hợp phải trả người bán**Đơn vị:** Công ty CP vận tải quốc tế Thái Dũng**Địa chỉ:** Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy Chai, NQ, HP**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Năm: 2015

Tài khoản: 331 - Phải trả người bán

ĐVT: đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty XNK Hà Anh	200.000.000		600.000.000	1.039.874.000		239.874.000
2	Công ty Xăng dầu khu vực III - HP		56.000.000	2.654.250.000	2.429.475.500	168.774.500	
...	...	...	...	...	...	...	...
	Cộng	609.864.274	1.564.728.548	11.358.685.980	12.611.379.467	1.036.547.500	3.244.105.261

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI QUỐC TẾ THÁI DŨNG

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng

Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Hiện nay để có thể đứng vững trên thị trường công ty đã không ngừng nỗ lực chủ động tạo nhiều mối quan hệ, mở rộng thị trường, hoạt động kinh doanh, từ đó công ty có nhiều bạn hàng, đối tác kinh doanh hơn. Ngoài các bạn hàng truyền thống còn có các bạn hàng mới cùng với lượng giao dịch ngày càng nhiều thêm. Chính vì thế, công tác kế toán thanh toán, đối chiếu công nợ với nhà cung cấp và khách hàng của công ty ngày càng được coi trọng và hoàn thiện hơn trước. Việc quản lý tốt phần hành kế toán thanh toán với người mua, người bán sẽ góp phần giúp công ty quản lý tốt được tình hình tài chính của mình, tránh gặp những rủi ro đáng tiếc như nợ xấu, nợ không trả được.

Cũng như các công ty khác, Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng mong muốn mình để lại ấn tượng tốt với khách hàng cũng như nhà cung cấp. Để đáp ứng mong muốn đó thì ngoài chất lượng sản phẩm cùng những đãi ngộ tốt thì công việc thanh toán cũng không được chậm trễ và phải luôn khéo léo, linh hoạt chính vì vậy công tác kế toán thanh toán là một vấn đề vô cùng quan trọng

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu tình hình thực tế tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nói riêng có những ưu điểm và hạn chế. Việc tìm ra các ưu điểm và nhược điểm là một điều cần thiết để kế toán có thể phát huy những điểm mạnh và hạn chế, tìm cách khắc phục những điểm yếu để công tác quản lý tài chính ngày các có hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm

** Tổ chức quản lý kinh doanh*

Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, mọi chứng từ sổ sách đều tập trung về phòng kế toán chịu sự kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Vì vậy số liệu được luân chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng, đúng trình tự.

Bộ máy quản lý của công ty tương đối gọn nhẹ, các phòng ban chịu sự giám sát của lãnh đạo, phân công công việc theo hướng chuyên môn hoá sẽ làm giảm áp lực cho ban lãnh đạo

** Tổ chức công tác kế toán*

Phòng kế toán với đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình, ham học hỏi. Hiện nay với yêu cầu nâng cao của công tác kế toán, phòng kế toán đã thường xuyên chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kế toán, tất cả các cán bộ kế toán đều có trình độ đại học, luôn phấn đấu đạt hiệu quả cao trong công tác kế toán góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao trong công ty

Tổ chức công tác kế toán được thực hiện tốt theo chế độ kế toán ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán công ty sử dụng nhìn chung phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với đặc điểm của công ty, đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý

Về hệ thống tài khoản

Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo ***thông tư 200/2014/TT-BTC*** ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là những chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quy định của Nhà nước.

Về hệ thống chứng từ

Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán đều dùng đúng theo mẫu biểu mà Bộ tài chính ban hành từ: phiếu thu, phiếu chi, HĐGTGT, giấy đề nghị thanh toán ... Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép Một cách đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

Về hệ thống sổ sách

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung, hình thức này tương đối đơn giản, đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty, giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy. Như vậy, hình thức nhật ký chung đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán kế toán và quản lý của công ty.

Về hạch toán kế toán thanh toán

Công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn được hoàn thành đúng lúc, công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi công nợ từng đối tượng người mua, người bán. Theo dõi chi tiết như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng, kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho người quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty, nhà quản lý có thể nắm bắt tình hình tài chính của công ty và đưa ra các hoạch định chiến lược cho công ty.

Công tác thu hồi công nợ

Để công tác thu hồi công nợ được tiến hành kịp thời, chính xác kế toán công nợ đã được phân công tiến hành kiểm soát, lập hồ sơ, lưu hồ sơ, tổ chức thu đòi công nợ một cách chặt chẽ và thường xuyên, có sự quản lý và góp ý đúng mực của bộ phận quản lý. Ngoài việc chuẩn bị hồ sơ thanh toán tốt, các cán bộ kế toán công nợ luôn có sự linh hoạt trong tìm hiểu thông tin và tiếp cận khách hàng.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được về công tác kế toán nói chung và kế toán hàng hoá nói riêng tại công ty vẫn còn những tồn tại nhất định cần phải tiếp tục hoàn thiện

** Về trích lập dự phòng phải thu khó đòi:*

Công ty không có những trích dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi. Các trường hợp nợ xấu có thể xảy ra dẫn đến không thu hồi được nợ và làm ảnh hưởng đến tài chính của công ty.

** Về việc áp dụng các chính sách nhằm tăng cường công tác thu hồi nợ*

Doanh thu của công ty có khoảng 40% là thanh toán sau nhưng chiết khấu thanh toán lại không được sử dụng. Chiết khấu thanh toán chính là một lợi ích mà khách hàng không thể bỏ qua khi xác định đến thời điểm trả nợ. Do đó chiết khấu thanh toán là một trong những công cụ đặc lực xúc tiến thu hồi nợ

** Về phương pháp ghi chép sổ sách kế toán*

Việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn nhiều hạn chế, với khối lượng công việc khá nhiều nhưng công tác kế toán của công ty chủ yếu là thủ công, công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo cáo số liệu có lúc còn hạn chế và thiếu tính kịp thời, làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững

Ngày nay, nền kinh tế thị trường mở ra cho doanh nghiệp rất nhiều cơ hội nhưng không kém phần những thách thức nhất là vào thời kỳ kinh tế như hiện nay. Để hòa nhập với nền kinh tế thế giới và nền kinh tế trong nước đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải nỗ lực phấn đấu để tồn tại. Trong những năm gần đây, nước ta đã không ngừng hoàn thiện chế độ, chuẩn mực kế toán nhằm giảm bớt sự khác biệt giữa kế toán Việt Nam và kế toán thế giới, tạo ra các cơ hội cho các doanh nghiệp hội nhập và phát triển.

Để có thể cạnh tranh với đối thủ trong nền kinh tế thị trường hiện nay mỗi doanh nghiệp phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi cơ chế quản lý đã không còn phù hợp. Để công tác quản lý tốt nhất, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả đòi hỏi nhà quản lý phải sử dụng nhiều sự hỗ trợ khác nhau trong đó công tác kế toán là vô cùng quan trọng. Trong công tác kế toán thì việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp cho việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin, số liệu chính xác về tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì thế công ty phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán của mình

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững

Để có thể hoàn thiện được công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán mà Bộ Tài chính ban hành. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà Nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

Hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng của kế toán và yêu

cầu của ban quản lý.

Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kế toán của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa thông tin kế toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp, nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu cung cấp thêm thông tin kịp thời chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý, đồng thời dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc nhưng vẫn mang tính khoa học.

Như vậy xuất phát từ những thực tiễn trên, vậy đổi mới hoàn thiện, tổ chức các nghiệp vụ thanh toán một cách đúng đắn, hợp lý và chính xác là đòi hỏi khách quan phù hợp với quy luật chung, với thực trạng quản lý kinh tế trong các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp sản xuất nói riêng nhất là trong cơ chế thị trường hiện nay, trong sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững

Căn cứ vào những nghiên cứu thực tiễn về tình hình hạch toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững và trên cơ sở, yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán em xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với khách hàng, nhà cung cấp như sau:

3.2.3.1. Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp cho doanh nghiệp hạn chế tối đa số tổn thất phải chịu khi có một khách hàng xảy ra sự cố không thể đòi được nợ.

Căn cứ để trích lập dự phòng là dựa vào văn bản pháp luật là thông tư số **228/2009/TT-BTC**, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số **34/2011/TT-BTC** ngày 14/03/2011 và thông tư số **89/2013/TT-BTC** ngày 28/06/2013.

Nợ khó đòi hay gọi là nợ xấu đó là các khoản nợ dưới chuẩn, có thể quá hạn và bị nghi ngờ về khả năng trả nợ lẫn khả năng thu hồi vốn của chủ nợ, điều

này thường xảy ra khi các con nợ đã tuyên bố phá sản hoặc đã tẩu tán tài sản. Nợ xấu gồm các khoản nợ quá hạn trả lãi hoặc gốc trên thường quá ba tháng căn cứ vào khả năng trả nợ của khách hàng để hạch toán các khoản vay vào các nhóm thích hợp. Gồm có:

- + Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.
- + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.
- + Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi.

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng
- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Việc trích lập dự phòng như thế này sẽ hạch toán theo tài khoản 2293, đây là tài khoản này dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

Tài khoản sử dụng: TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi.

Kết cấu tài khoản: TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi.

Bên Nợ:

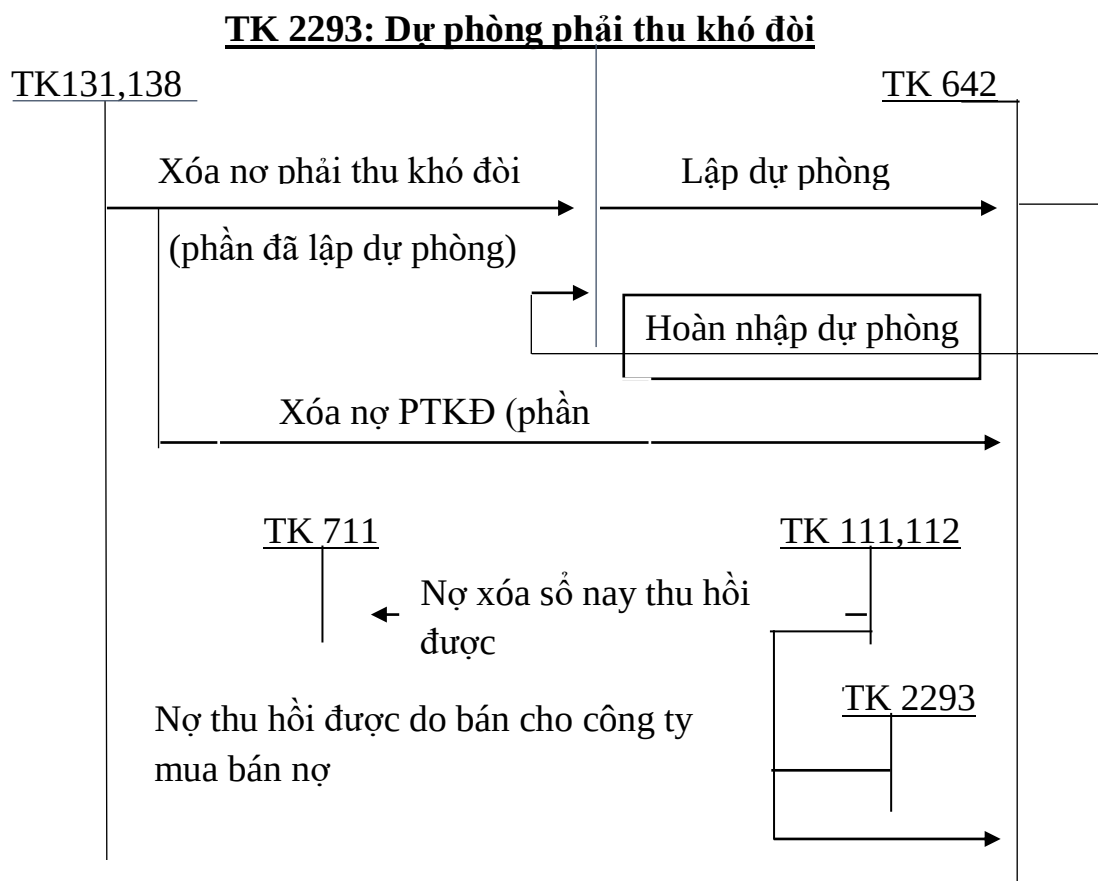
- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra. Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi



Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợĐơn vị: **Công ty CP Vận tải Quốc tế Thái Dũng**Địa chỉ: **Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy Chai, NQ, HP****BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2015**

ĐVT: đồng

STT	Tên công ty	Dư nợ đến 31/12/2015	Chưa đến hạn thanh toán	Đến hạn thanh toán	Quá hạn thanh toán	Ghi chú
1	Công ty ITC – Tân Cảng	24.562.000			24.562.000	5 tháng
2	Công ty Nam Hải logistics	78.973.000			28.973.000	1 năm 8 tháng
3	Công ty TNHH tiếp vận SITC – Đình Vũ	125.475.416			125.475.416	2 năm 3 tháng
4	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Việt SCM	69.621.900	69.621.900			
5	Công Ty Cổ Phần Logistics Bắc Hải	85.835.00		85.835.000		
6	Công Ty CP Dịch Vụ Giao Nhận hàng Hóa TNN	132.890.500	50.000.000	82.890.500		
...	...	...	...	...	...	...
	Tổng cộng	2.595.544.574	872.196.158	1.544.338.000	179.010.416	x

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 3.2: Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòiĐơn vị: **Công ty CP Vận tải Quốc tế Thái Dũng**Địa chỉ: **Số 412 – Lê Thánh Tông, Máy Chai, NQ, HP****BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI****Năm 2015**

ĐVT: đồng

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích (%)	Số tiền trích
1	Công ty ITC – Tân Cảng	24.562.000	5 tháng	30	7.368.600
2	Công ty Nam Hải logistics	28.973.000	1 năm 4 tháng	50	14.486.500
3	Công ty TNHH tiếp vận SITC – Đình Vũ	125.475.416	2 năm 3 tháng	70	87.832.791
	Tổng cộng	179.010.416	x	x	109.687.891

Ngày 31 tháng 12 năm 2015**Giám đốc**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên)

Dựa vào thời hạn thanh toán nợ trong hợp đồng giữa công ty với đối tác, Kế toán tính được thời gian quá hạn của từng đối tượng, sau đó sẽ tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên Báo cáo tình hình công nợ như sau:

- Số dự phòng nợ phải thu khó đòi:

$$14.562.700 \times 30\% = 7.368.600$$

$$28.973.000 \times 50\% = 14.486.500$$

$$125.475.416 \times 70\% = 87.832.791$$

Căn cứ vào số liệu trên kế toán ghi định khoản:

Nợ TK 642: 109.687.891

Có TK 229: 109.687.891

Đồng thời kế toán lập Phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào Sổ nhật ký chung và Sổ cái.

3.2.3.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Hiện nay, tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững chưa áp dụng phổ biến, linh hoạt chính sách chiết khấu thanh toán vào áp dụng để khuyến khích khách hàng thanh toán nợ trước thời hạn hợp đồng. Vì vậy để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và thu hồi vốn nhanh công ty nên áp dụng hình thức chiết khấu thanh toán.

Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty dựa trên thực tế của công ty nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của Ngân hàng.

* Trong đó, tỷ lệ chiết khấu thanh toán cần đảm bảo nguyên tắc sau:

Lãi suất tiền gửi < tỷ lệ chiết khấu thanh toán < Lãi suất tiền vay

- Công ty mở tài khoản tại ngân hàng ACB, với lãi suất tiền gửi 6%/năm, lãi suất tiền vay 9%/ năm. Vì vậy tỷ lệ chiết khấu của Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dững dành cho khách hàng như sau:

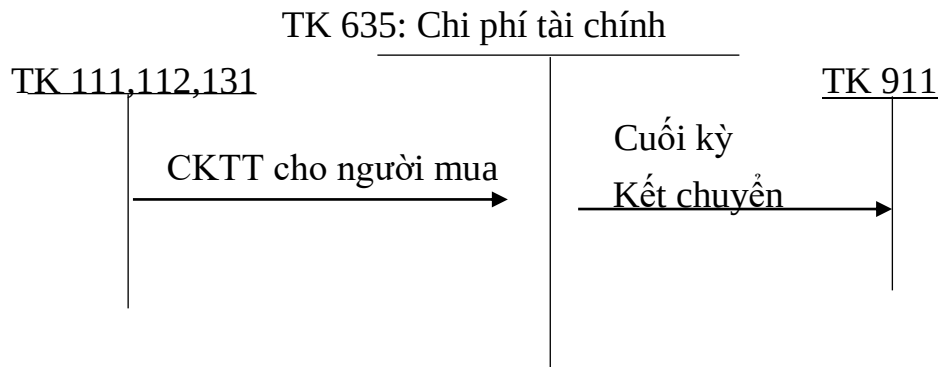
6%/ năm < tỷ lệ chiết khấu thanh toán < 9%/năm

- Khi khách hàng thanh toán nợ trước thời hạn, dựa vào số ngày thanh toán trước hạn, công ty xác định được mức tỷ lệ chiết khấu cho khách hàng:

- + trước hạn 15 ngày: 6.5%/năm
- + trước hạn 30 ngày: 7%/ năm
- + trước hạn > 30 ngày: 7.5%/năm

Tài khoản sử dụng: TK 635: chi phí tài chính

Sơ đồ 3.2: Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán



*** Ví dụ:** Ngày 22/12/2015 Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Việt SCM thanh toán nợ số tiền 150.000.000 bằng chuyển khoản tại ngân hàng ACB, công ty SCM thanh toán trước hạn hợp đồng 15 ngày nên được hưởng chiết khấu với tỷ lệ chiết khấu 6.5%/năm.

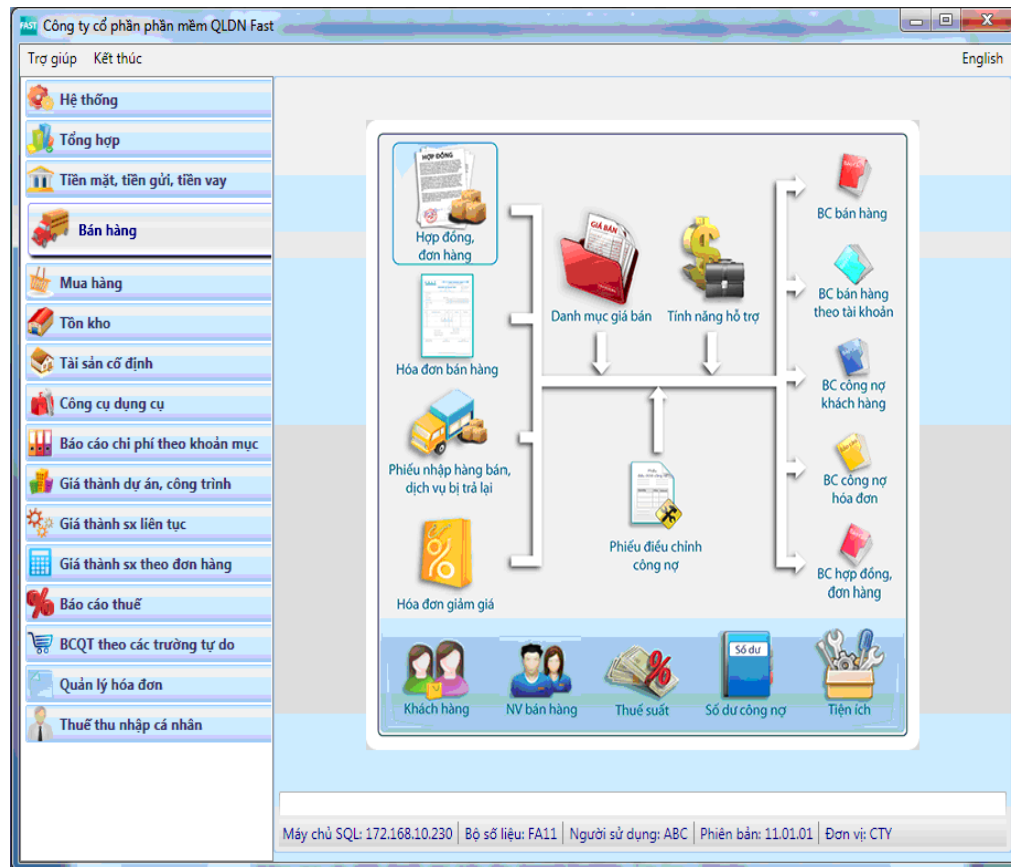
$$\begin{array}{l}
 \text{Số tiền chiết khấu thanh} \\
 \text{toán khách hàng được} \\
 \text{hưởng}
 \end{array}
 = \frac{6.5\% \times 15 \times 150.000.000}{12 \times 30} = 406.250 \text{ (đồng)}$$

Số tiền chiết khấu thanh toán được công ty tính vào chi phí tài chính (TK635)

3.2.3.3. Sử dụng phần mềm kế toán và quản lý khách hàng

Phần mềm kế toán là hệ thống các chương trình máy tính dùng để tự động xử lý các thông tin trên máy vi tính, là công cụ ghi chép, lưu trữ, tính toán, tổng hợp trên cơ sở các dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc, nó được thiết kế xử lý, lưu trữ một lượng lớn thông tin chính xác, với độ bảo mật cao, và có thể cung cấp thông tin bất cứ lúc nào chỉ với một thao tác nhỏ mà chi phí lại không quá lớn. Ngoài ra phần mềm kế toán còn được thiết kế phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp cụ thể. Với những ưu điểm trên thì công ty nên đưa phần mềm kế toán vào sử dụng. Dưới đây là các phần mềm kế toán công ty nên đưa vào sử dụng.

- * **Phần mềm kế toán Fast Acouting**



* **Ưu điểm:**

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- Tốc độ xử lý rất nhanh.

- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

* **Nhược điểm:**

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được dữ liệu.

*** Phần mềm kế toán Misa***** Ưu điểm:**

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đang dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Tính chính xác: số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao.

*** Nhược điểm:**

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp. Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

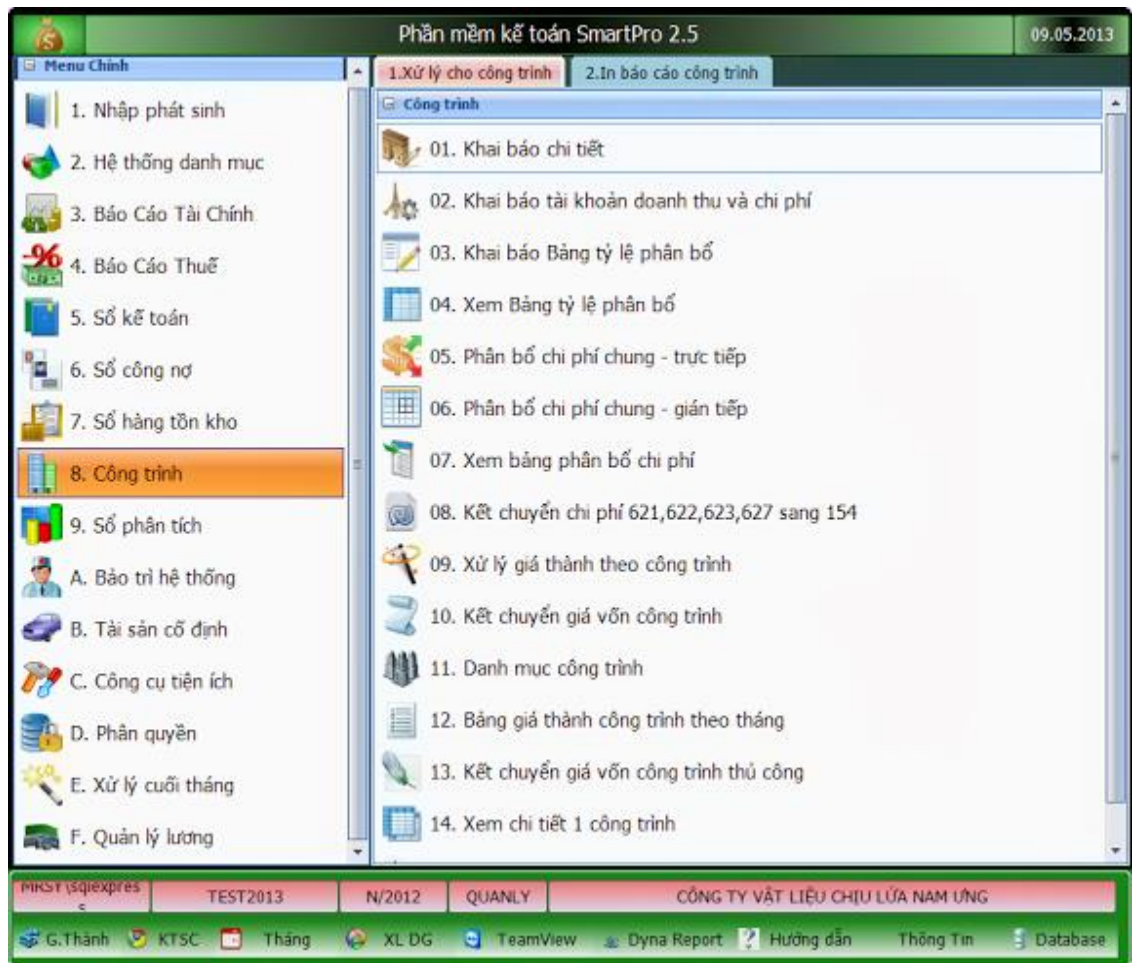
Phân hệ tính giá thành chưa được nhà SX chú ý phát triển. Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

*** Phần mềm kế toán ACsoft***** Ưu điểm:**

- Giao diện đẹp, dễ sử dụng, tốc độ xử lý nhanh. Ít tốn tài nguyên máy.

***Nhược điểm:**

- Bảo mật chưa cao, thường xảy ra lỗi, Hệ trở 01 hình thức kế toán (Nhật ký chung), 01 phương pháp tính giá xuất kho (bình quân di động).

*** Phần mềm Smart Pro***** Ưu điểm:**

Giá phí phần mềm thấp, đáp ứng nhiều loại hình công ty, mở dữ liệu cho nhiều công ty trên cùng một phần mềm.

Khi khối lượng dữ liệu lớn thì phần mềm có khả năng tự phân trang, không ảnh hưởng đến tốc độ xử lý của phần mềm.

*** Nhược điểm:**

Phần mềm được bán theo phiên bản, có tính cập nhập sau năm đầu tiên.

KẾT LUẬN

Thực hiện tốt việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán không những làm tăng cường củng cố nề nếp tài chính, tránh được những sai sót, nhầm lẫn, mà còn cung cấp thông tin quan trọng, xác thực cho công tác quản lý. Hạch toán đầy đủ chính xác công nợ phải thu, phải trả phát sinh trong kỳ tạo điều kiện cho nhà quản lý đưa ra được các chính sách về tài chính hợp lý. Từ đó phân tích, đề ra các biện pháp thiết thực để tăng cường và quản lý công nợ được tốt hơn. Đó là mục tiêu mà mọi doanh nghiệp đều hướng tới, và là nhân tố quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Với đề tài “ **Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng**”, em đã nghiên cứu cơ sở lý luận của các nghiệp vụ thanh toán cũng như thực trạng hạch toán các nghiệp vụ thanh toán tại Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng, và đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại công ty.

Tuy nhiên, em chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ chuyên môn còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều sai sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin được chân thành cảm ơn **Ths. Nguyễn Văn Thụ** và các nhân viên phòng kế toán Công ty cổ phần Vận tải Quốc tế Thái Dũng đã tận tình hướng dẫn và tạo mọi điều kiện giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh Viên

Nguyễn Thị Minh Hà

Tài liệu tham khảo

- “Kế toán tài chính” – Trần Xuân Nam 2015
- “Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 1” : Hệ thống tài khoản kế toán
- “Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 2” : Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán.
- Thông tư số **200/2014/TT – BTC** ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính
- Thông tư **34/2011/TT-BTC** ngày 14/03/2011 và thông tư số **89/2013/TT–BTC** ngày 28/06/2013 về trích lập dự phòng phải thu.
- Tài liệu tham khảo tại Công ty Cổ Phần Vận Tải Quốc Tế Thái Dũng